

48  
BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

**KẾT QUẢ**  
**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC**  
**LẦN THỨ VIII**  
**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*(ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH)*  
**VÀ**  
**NỘI DUNG CHỦ YẾU**  
**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ**  
**TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX**

*THÁNG 7 NĂM 1996*

**KẾT QUẢ**

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC**

**LẦN THỨ VIII**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*(ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH)*

VÀ

**NỘI DUNG CHỦ YẾU**

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ**

**TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ IX**

TRUNG QUỐC

QUỐC HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC

LẦN THỨ VIII

TRANG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƯỜNG LUYỆN MẠC HẠNG

11

TRUNG QUỐC

QUỐC HỘI ĐẠI BIỂU ĐÓNG

TỈNH BÌNH THUAN LẦN THỨ IX

## LỜI GIỚI THIỆU

Để kịp thời phục vụ việc nghiên cứu và quán triệt nội dung các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX ; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận phát hành tập tài liệu này.

Tài liệu gồm hai phần :

**Phần thứ nhất, về Đại hội toàn quốc :**

- Kết quả bầu cử Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.
- Đề cương thông báo nhanh kết quả Đại hội VIII của Đảng - do Văn phòng Trung ương Đảng biên soạn.

**Phần thứ hai, về Đại hội Tỉnh :**

- Kết quả bầu cử Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX và phân công nhiệm vụ của các đồng chí Tỉnh ủy viên.
- Nội dung chủ yếu trong Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy - do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn.

- Báo cáo của Đoàn Chủ tịch tại Đại hội giải trình một số vấn đề chủ yếu qua thảo luận ở các đoàn đại biểu và có ý kiến khác nhau.

Chúng tôi hy vọng đáp ứng một phần yêu cầu học tập của đảng viên, đội ngũ trí thức các ngành và cán bộ cốt cán ở cơ sở.

Rất mong được tiếp nhận những góp ý của tất cả các đồng chí.

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY**

**BÌNH THUẬN**

# KẾT QUẢ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC

LẦN THỨ VIII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*(ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH)*

KẾT QUẢ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC

LẦN THỨ VIII

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

ĐỀ CƯƠNG TRÌNH BÁO NHẬT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH**

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII**

<u>TT</u>	<u>HỌ VÀ TÊN</u>	<u>CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC</u>
1	<b>ĐỖ MUỘI</b>	<i>Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng</i>
2	<b>NGUYỄN VĂN AN</b>	<i>Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương</i>
3	<b>LÊ ĐỨC ANH</b>	<i>Chủ tịch nước</i>
4	<b>LÊ HỒNG ANH</b>	<i>Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang</i>
5	<b>ĐỖ VĂN AN</b>	<i>Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Sơn La</i>
6	<b>VÕ ĐÔNG BA</b>	<i>Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang</i>
7	<b>NGUYỄN BÁ</b>	<i>Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An</i>
8	<b>NGUYỄN ĐÌNH BIN</b>	<i>Thứ trưởng Bộ Ngoại giao</i>
9	<b>ĐÀO ĐÌNH BÌNH</b>	<i>Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên hợp Vận tải đường sắt khu vực 3</i>
10	<b>NGUYỄN ĐỨC BÌNH</b>	<i>Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>
11	<b>NGUYỄN MẠNH CẦM</b>	<i>Bộ trưởng Bộ Ngoại giao</i>
12	<b>NGUYỄN VĂN CHI</b>	<i>Phó Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương</i>
13	<b>TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN</b>	<i>Thứ trưởng Bộ Y tế</i>
14	<b>ĐẶNG VŨ CHU</b>	<i>Bộ trưởng Bộ Công nghiệp</i>



- 15 **VŨ ĐÌNH CỰ** Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội,  
Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công  
nghệ và Môi trường của Quốc hội
- 16 **VŨ VĂN CUƠNG** Phó Bí thư Thành ủy thành phố  
Hồ Chí Minh
- 17 **PHAN ĐIỂN** Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
- 18 **NGUYỄN CẢNH DINH** Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban sông  
Mê Công Việt Nam
- 19 **NGUYỄN THỊ DOAN** Hiệu trưởng Trường Đại học Thương  
mại Hà Nội
- 20 **HỒ NGHĨA DŨNG** Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép  
Việt Nam
- 21 **NGUYỄN TẤN DŨNG** Thứ trưởng Bộ Nội vụ
- 22 **LÊ VĂN DŨNG** Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 7
- 23 **PHẠM THẾ DUYỆT** Nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội
- 24 **HÀ QUANG DỰ** Bộ trưởng, phụ trách công tác thanh  
niên và thể thao
- 25 **ĐỖ BÌNH DƯƠNG** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng  
Nhân dân tỉnh Hà Bắc
- 26 **NGUYỄN KHẮC DƯƠNG** Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 4
- 27 **LÊ VĂN DỸ** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban  
Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- 28 **TRẦN VĂN ĐĂNG** Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương  
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- 29 **NGUYỄN VĂN ĐĂNG** Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn
- 30 **NGUYỄN KHOA ĐIỀM** Thứ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin

- 31 LƯU VĂN ĐIỀN *Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ*
- 32 CHAMALÉA ĐIỀU *Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận*
- 33 LƯƠNG CÔNG ĐOAN *Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Phú Yên*
- 34 TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.*
- 35 NGUYỄN VĂN ĐƯỢC *Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 5*
- 36 TRẦN XUÂN GIÁ *Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư*
- 37 NGUYỄN BÌNH GIANG *Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh*
- 38 PHẠM MINH HẠC *Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*
- 39 NGUYỄN NGÔ HAI *Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái*
- 40 BÙI HỮU HẢI *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phú*
- 41 TRẦN MAI HẠNH *Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam*
- 42 NGUYỄN THỊ HẰNG *Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*
- 43 CÙ THỊ HẬU *Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*
- 44 NGUYỄN MINH HIỂN *Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội*
- 45 NGUYỄN HUY HIỆU *Thiếu tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam*
- 46 NGUYỄN VĂN HIỆU *Chủ tịch Hội đồng Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia*
- 47 TRƯƠNG MỸ HOA *Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam*

- 48 **TRẦN HÒA** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Bình*
- 49 **TRẦN ĐÌNH HOAN** *Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*
- 50 **NGUYỄN ĐỨC HOAN** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Trị*
- 51 **TRẦN THỊ MINH HOÀNG** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai*
- 52 **VŨ TUYẾN HOÀNG** *Viện trưởng Viện Cây lương thực và thực phẩm*
- 53 **ĐẶNG THÀNH HỌC** *Bí thư Tỉnh ủy Minh Hải*
- 54 **HOÀNG VĂN HON** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Hòa Bình*
- 55 **NGUYỄN THỊ KIM HỒNG** *Thứ trưởng Bộ Thương mại*
- 56 **VÕ NHÂN HUÂN** *Đại tá, Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân*
- 57 **BÙI VĂN HUẤN** *Đại tá, Phó Tư lệnh Quân khu 9*
- 58 **VŨ QUỐC HÙNG** *Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương*
- 59 **NGUYỄN SINH HÙNG** *Thứ trưởng Bộ Tài chính*
- 60 **PHAN THẾ HÙNG** *Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương*
- 61 **VÕ ĐỨC HUY** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*
- 62 **BÙI QUANG HUY** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh*
- 63 **LÊ MINH HƯƠNG** *Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ*
- 64 **ĐẶNG HỮU** *Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường*

- 65 PHAN VĂN KHẢI Phó Thủ tướng Chính phủ
- 66 PHẠM GIA KHIÊM Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 67 HÀ THỊ KHIẾT Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Tuyên Quang
- 68 VŨ KHOAN Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
- 69 ĐINH HỮU KHÓA Phó Văn phòng Trung ương Đảng
- 70 ĐOÀN KHUÊ Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
- 71 CAO SỸ KIÊM Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 72 PHAN TRUNG KIÊN Thiếu tướng, Chỉ huy trưởng Quân sự thành phố Hồ Chí Minh
- 73 ĐOÀN VĂN KIẾN Tổng Giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam
- 74 VÕ VĂN KIỆT Thủ tướng Chính phủ
- 75 VŨ TRỌNG KIM Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- 76 HOÀNG KỲ Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 3
- 77 VŨ NGỌC KỲ Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
- 78 MAI THỨC LÂN Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng
- 79 ĐÀO TRỌNG LỊCH Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2
- 80 MAI KIỀU LIÊN Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam
- 81 NGÔ XUÂN LỘC Bộ trưởng Bộ Xây dựng
- 82 TRẦN ĐỨC LUƠNG Phó Thủ tướng Chính phủ
- 83 BÙI DANH LƯU Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải
- 84 NÔNG ĐỨC MẠNH Chủ tịch Quốc hội

- 85 **VŨ MÃO** Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội,  
Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
- 86 **NGUYỄN ÁNH MINH** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng  
Nhân dân tỉnh Lâm Đồng
- 87 **NGUYỄN THỊ MINH** Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban  
Nhân dân tỉnh Tây Ninh
- 88 **ĐẶNG VŨ MINH** Giám đốc Trung tâm Khoa học tự  
nhiên - Công nghệ quốc gia
- 89 **NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ** Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra  
Trung ương
- 90 **ĐỖ HOÀI NAM** Viện trưởng Viện Kinh tế Trung tâm  
Khoa học xã hội - Nhân văn quốc gia
- 91 **MAI VĂN NĂM** Bí thư Tỉnh ủy Đắk Lắk
- 92 **THÁI PHỤNG NÊ** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng  
Công ty Điện Việt Nam
- 93 **PHẠM THANH NGÂN** Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục  
Chính trị
- 94 **HOÀNG ĐỨC NGHI** Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc  
và Miền núi
- 95 **PHẠM QUANG NGHI** Phó Trưởng ban Tư tưởng Văn hóa  
Trung ương
- 96 **HỒ TIẾN NGHI** Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã  
Việt Nam
- 97 **HOÀNG VĂN NGHIÊN** Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban  
Nhân dân thành phố Hà Nội
- 98 **LÊ HUY NGỌ** Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
- 99 **TẠ QUANG NGỌC** Thứ trưởng Bộ Thủy sản
- 100 **TRẦN MINH NGỌC** Bí thư Tỉnh ủy Nam Hà

- 101 **VÕ HỒNG NHÂN** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Tháp*
- 102 **NGUYỄN DY NIÊN** *Thứ trưởng Bộ Ngoại giao*
- 103 **TRÁNG A PAO** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Lào Cai*
- 104 **NGUYỄN TẤN PHÁT** *Phó Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*
- 105 **LÊ KHẢ PHIÊU** *Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị*
- 106 **PHẠM THANH PHONG** *Bí thư Tỉnh ủy Long An*
- 107 **TÔNG THỊ PHÓNG** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La*
- 108 **LÂM PHÚ** *Phó cơ quan đại diện Khmer Nam Bộ*
- 109 **VÕ HỒNG PHÚC** *Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư*
- 110 **KSOR PHƯỚC** *Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai*
- 111 **ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG** *Bộ trưởng Bộ Y tế*
- 112 **LÒ VĂN PUỐN** *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Lai Châu*
- 113 **TRẦN HỒNG QUÂN** *Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*
- 114 **NGUYỄN VĂN QUÂN** *Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long*
- 115 **NGUYỄN DUY QUÝ** *Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia*
- 116 **NGUYỄN VĂN RINH** *Thiếu tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng*
- 117 **NGUYỄN VĂN RỐP** *Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh*
- 118 **TÔ HUY RỬA** *Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- 119 **CHU ẮN RY** Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
- 120 **TRUONG TẤN SANG** Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
- 121 **NGUYỄN VĂN SON** Phó ban Đối ngoại Trung ương
- 122 **PHẠM THỊ SON** Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu
- 123 **BÙI XUÂN SON** Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Nam Hà
- 124 **ĐỖ TRUNG TÁ** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- 125 **NGUYỄN CÔNG TẠ** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- 126 **HOÀNG TANH** Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn
- 127 **SỖ LÂM TĂNG** Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum
- 128 **NGUYỄN VĂN TÂM** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Tây
- 129 **NÔNG HỒNG THÁI** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Cao Bằng
- 130 **TẠ HỮU THANH** Tổng Thanh tra Nhà nước
- 131 **NGUYỄN PHÚC THANH** Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần
- 132 **TRẦN THỊ THANH THANH** Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em
- 133 **TÔ TỬ THANH** Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
- 134 **VÕ THỊ THẮNG** Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- 135 **TRUONG CÔNG THẬN** Bí thư Tỉnh ủy An Giang

- 136 ĐÀO TRONG THI Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
- 137 NGÔ YÊN THI Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế
- 138 NGUYỄN HỮU THỌ Tổng Biên tập báo Nhân Dân
- 139 PHẠM VĂN THỌ Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng
- 140 NGUYỄN VĂN THỚI Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Bến Tre
- 141 NGUYỄN THỊ HOÀI THU Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội
- 142 HOÀNG THỪA Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
- 143 LÊ THẾ TIỆM Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát Nhân dân
- 144 NGUYỄN KHÁNH TOÀN Đại tá, Tổng cục trưởng Tổng cục 1, Bộ Nội vụ
- 145 MA THANH TOÀN Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 1
- 146 TÔ XUÂN TOÀN Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình
- 147 PHẠM VĂN TRÀ Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Tổng Tham mưu trưởng
- 148 HÀ MẠNH TRÍ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội
- 149 NGUYỄN THẾ TRỊ Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3
- 150 NGUYỄN MINH TRIẾT Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Sông Bé
- 151 NGUYỄN ĐỨC TRIỀU Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
- 152 ĐỖ NGỌC TRINH Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư



- 153 NGUYỄN TẤN TRỊNH *Bộ trưởng Bộ Thủy sản*
- 154 NGUYỄN PHÚ TRỌNG *Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản*
- 155 TRƯƠNG VĨNH TRỌNG *Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương*
- 156 ĐINH TRUNG *Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận*
- 157 ĐỖ QUANG TRUNG *Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch*
- 158 VŨ XUÂN TRƯỜNG *Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình*
- 159 LÊ VĂN TU *Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa*
- 160 TRẦN VĂN TUẤN *Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội*
- 161 LÊ XUÂN TÙNG *Bí thư Thành ủy Hà Nội*
- 162 TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN *Thứ trưởng Bộ Thương mại*
- 163 NGUYỄN VĂN TU *Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*
- 164 NGUYỄN ĐÌNH TỨ *Trưởng ban Khoa giáo Trung ương*
- 165 NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Khánh Hòa*
- 166 HỒ ĐỨC VIỆT *Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh*
- 167 HỒNG VINH (Nguyễn Duy Lực) *Phó Tổng Biên tập báo Nhân Dân*
- 168 TRẦN VĂN VU *Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Sóc Trăng*
- 169 LÊ DANH XƯƠNG *Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thành phố Hải Phòng*
- 170 NGUYỄN VĂN YẾU *Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Quốc hội*

**BỘ CHÍNH TRỊ**  
**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**  
**KHÓA VIII**

1. Đỗ Mười
2. Lê Đức Anh
3. Võ Văn Kiệt
4. Nông Đức Mạnh
5. Lê Khả Phiêu
6. Đoàn Khuê
7. Phan Văn Khải
8. Nguyễn Mạnh Cẩm
9. Nguyễn Đức Bình
10. Nguyễn Văn An
11. Phạm Văn Trà
12. Trần Đức Lương
13. Nguyễn Thị Xuân Mỹ
14. Trương Tấn Sang
15. Lê Xuân Tùng
16. Lê Minh Hương
17. Nguyễn Đình Tứ
18. Phạm Thế Duyệt
19. Nguyễn Tấn Dũng

**TỔNG BÍ THƯ  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
KHÓA VIII**

**ĐỖ MƯỜI**

**THƯỜNG VỤ  
BỘ CHÍNH TRỊ**

1. Đồng chí Đỗ Mười
2. Đồng chí Lê Đức Anh
3. Đồng chí Võ Văn Kiệt
4. Đồng chí Lê Khả Phiêu
5. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng

ỦY BAN KIỂM TRA  
TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

**CỔ VẤN BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII**

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh
2. Đồng chí Phạm Văn Đồng
3. Đồng chí Võ Chí Công

**ỦY BAN KIỂM TRA  
TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII**

1. Đồng chí **NGUYỄN THỊ XUÂN MỸ**, Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII, Chủ nhiệm Ủy ban.
2. Đồng chí **TRƯƠNG VĨNH TRỌNG**, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
3. Đồng chí **VŨ QUỐC HÙNG**, Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
4. Đồng chí **NGUYỄN VĂN THÂM**, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
5. Đồng chí **NGUYỄN ANH LIÊN**, nguyên Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa VII.
6. Đồng chí **HOÀNG KIM SƠN**, Vụ trưởng Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
7. Đồng chí **NGUYỄN MINH NIÊN**, Vụ trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

# KẾT QUẢ

## ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII

(VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM BIÊN SOẠN)

### I - BỐI CẢNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI VIII

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã được tiến hành từ ngày 22-6 đến 1-7-1996 tại Hội trường Ba Đình - Hà Nội. Từ 22-6 đến 26-6 tiến hành Đại hội nội bộ, từ 28-6 đến 1-7-1996 tiến hành Đại hội công khai.

Mười năm về trước, khi Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nước ta còn đang trong tình trạng trầm trọng nhất của khủng hoảng kinh tế - xã hội ; sản xuất đình đốn, lạm phát tăng vọt, đất nước bị bao vây về kinh tế, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, lòng tin bị giảm sút.

Sau 5 năm phấn đấu gian khổ, kiên cường thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng cả về kinh tế, xã hội, chính trị, đối nội và đối ngoại. Nhưng sau Đại hội VII không lâu, chế độ xã hội

chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã đã tác động sâu sắc đến tình hình nước ta. Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận. Một số thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị, phá rối an ninh quốc gia, làm phương hại đến độc lập, chủ quyền của đất nước. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách rất gay gắt.

- So với khi Đảng ta tiến hành Đại hội VI và Đại hội VII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII diễn ra trong bối cảnh đất nước và thế giới có những phát triển mới.

Sau 10 năm tiến hành đổi mới toàn diện kể từ Đại hội VI, với kinh nghiệm phong phú và truyền thống bất khuất kiên cường, với nghị lực và sức sáng tạo lớn lao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, chúng ta đã đẩy nhanh được nhịp độ phát triển kinh tế, giữ vững được ổn định chính trị, bảo vệ chế độ, giữ vững độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước.

Chúng ta chẳng những đứng vững trước nhiều thử thách gay gắt, có lúc hiểm nghèo, mà còn khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái về kinh tế, đưa nền kinh tế nước ta tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện, thực hiện vượt nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995). Các mặt văn hóa, xã hội cũng có bước phát triển; quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững. Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Từ thế bị cô lập chúng ta đã mở rộng quan

hệ đối ngoại với trên 160 nước trên khắp các châu lục ; vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những thuận lợi lớn.

Song trước mắt chúng ta, những khó khăn, trở ngại và các khuyết điểm, yếu kém còn nhiều. Những nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên, cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Đó là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực ; nguy cơ chênh lệch xã hội chủ nghĩa ; nguy cơ về tệ quan liêu, tham nhũng và nguy cơ "diễn biến hòa bình".

Chúng ta không chủ quan, thỏa mãn. Nhưng nhìn tổng quát, qua 10 năm đổi mới, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tuy có mặt chưa vững chắc nhưng đã tạo ra thế và lực mới, tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân cả nước, kiều bào ở nước ngoài, bè bạn xa, gần chăm chú theo dõi kết quả của Đại hội, hy vọng và tin tưởng Đại hội sẽ có những quyết sách đúng đắn về chiến lược và kế hoạch phát triển lâu dài cũng như trong 5 năm còn lại của thế kỷ này, để tận dụng thời cơ vươn lên phát triển



nhanh và vững chắc. Đồng thời có giải pháp tối ưu khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm, đẩy lùi các nguy cơ, bảo đảm cho đất nước phát triển đúng hướng, tạo ra thế và lực mới ngày càng lớn hơn.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc mới trên tiến trình phát triển cách mạng của nước ta. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII ; tổng kết 10 năm đổi mới ; đề ra mục tiêu phương hướng, giải pháp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020 và trước mắt đến năm 2000 ; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng, đưa sự nghiệp đổi mới lên tầm cao mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội còn có nhiệm vụ kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ; bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm các đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Việc hoàn thành những nhiệm vụ đó của Đại hội VIII có ý nghĩa rất quyết định đến sự phát triển của đất nước cả trong những năm trước mắt và lâu dài.

## II - QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ

### ĐẠI HỘI VIII

Sau Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994), Bộ Chính trị, Ban Bí thư, một mặt, đã xúc tiến việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ ; mặt khác, tập trung chuẩn bị mọi mặt cho việc tiến hành Đại hội VIII của Đảng đúng thời gian theo chương trình toàn khóa đã đề ra.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (tháng 8-1994) đã quyết định thành lập các Tiểu ban chuẩn bị văn kiện và nhân sự Đại hội VIII của Đảng.

Tiểu ban Báo cáo chính trị gồm 14 đồng chí, do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười làm Trưởng Tiểu ban, trong đó 8 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và 6 đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng, làm nhiệm vụ xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị.

Tiểu ban Kinh tế xã hội gồm 14 đồng chí, do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Trưởng Tiểu ban, trong đó 5 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, 2 đồng chí Phó Thủ tướng và 7 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng công tác ở các ngành trung ương

có nhiệm vụ xây dựng dự thảo Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000.

Tiểu ban Điều lệ Đảng gồm 9 đồng chí do đồng chí Lê Phước Thọ làm Trưởng Tiểu ban, trong đó 2 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, 7 đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng công tác ở các ban Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận và các cơ quan lý luận của Đảng để xây dựng dự thảo Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Tiểu ban Nhân sự do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười làm Trưởng Tiểu ban, gồm 11 đồng chí, trong đó 8 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và 3 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng.

Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội do đồng chí Hồng Hà, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng Tiểu ban, thành viên gồm một số đồng chí lãnh đạo của một số ban đảng và cơ quan nhà nước.

Sau Hội nghị Trung ương bảy, Bộ Chính trị đã họp để định hướng việc biên tập các dự thảo văn kiện Đại hội, trong đó nhấn mạnh trước hết là phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, từ sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam 10 năm qua. Bộ Chính trị yêu cầu việc chuẩn bị các văn kiện phải tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Sử dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin

mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm nước ta. Có như thế chúng ta mới dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với nước ta".

Bộ Chính trị nhấn mạnh các văn kiện phải tổng kết cho được 10 năm đổi mới ; đánh giá đúng tình hình, phân tích những việc làm được, chưa làm được hoặc làm chưa đúng với chủ trương, chính sách của Đảng ; phải coi trọng tổng kết và rút ra những bài học kinh nghiệm ; xác định rõ mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp lớn đến năm 2000 và mục tiêu lớn đến năm 2020 ; bổ sung phát triển, hoàn thiện và cụ thể hóa Cương lĩnh, Chiến lược, xác định ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ yêu cầu của thực tiễn đổi mới ở nước ta, Bộ Chính trị đặt ra, khi chuẩn bị dự thảo các văn kiện Đại hội VIII, phải trả lời được một số vấn đề lớn, quan trọng như : Đánh giá tình hình thế giới, các mâu thuẫn của thời đại, xu thế phát triển của thế giới ? Thế và lực nước ta hiện nay như thế nào ; nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội chưa ; đã chuyển hẳn sang thời kỳ phát triển mới hay chưa ? Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng đề ra tăng lên hay giảm đi ? Hệ thống quan hệ sản xuất đã và sẽ chuyển hóa ra

sao ? Cơ chế mới hình thành và phát triển đến mức độ nào ? Nội dung, tính chất của thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là gì ? Chúng ta phải tiếp tục xử lý như thế nào các vấn đề giá cả, tỉ giá hối đoái, chống lạm phát, tài chính, tiền lương ? Đặc biệt phải giải quyết các vấn đề rất thời sự và hệ trọng về chính sách xã hội ; chống tham nhũng thế nào ? Hệ thống chính trị cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động như thế nào ? Điều kiện để đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh, trong sạch ? Dự báo triển vọng đi lên của đất nước ta ? v.v...

- Theo những tư tưởng chỉ đạo đó, các Tiểu ban đã triển khai công việc rất tích cực, khẩn trương và có hiệu quả. Đã xác định gần 20 đề tài, nhóm đề tài trực tiếp phục vụ cho nội dung các văn kiện ; giao cho một số ban đảng, cơ quan quản lý, cơ quan khoa học, một số cấp ủy địa phương và một số Ủy viên Trung ương nghiên cứu, tổng kết.

Đã triển khai nghiên cứu nhiều chuyên đề lớn như tổng kết công tác xây dựng Đảng 20 năm từ 1975 đến 1995 ; lấy ý kiến một số ban và đảng ủy trực thuộc Trung ương về thực tiễn thi hành Điều lệ Đảng ; tổng kết nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI về công tác vận động quần chúng ; sử dụng kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học cấp nhà nước vào việc chuẩn bị các văn kiện. Đã triển khai đề tài phác

thảo chiến lược phát triển đất nước đến năm 2020 ; tiến hành xây dựng quy hoạch một số vùng và ngành kinh tế lớn, xác định một số chương trình, dự án, quy hoạch đầu tư đến năm 2000, v.v...

Trong các năm 1994 và 1995, các Tiểu ban do đồng chí Tổng Bí thư và một số đồng chí trong Bộ Chính trị đã tiến hành nhiều đợt nghiên cứu, khảo sát thực tế, làm việc với các cấp ủy, các ban, ngành và đơn vị cơ sở, từ các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung ; từ các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng đến những vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo ; từ các ngành và các lĩnh vực như nông nghiệp và nông thôn, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, lao động và việc làm, y tế, văn hóa và xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường, kinh tế đối ngoại, quốc phòng và an ninh, đến lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Cùng với việc nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tế, các Tiểu ban, trước hết là đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp nghe trên 40 lượt báo cáo của các tỉnh, thành ủy, trên 30 lượt báo cáo của các huyện, gần 80 lượt các báo cáo và ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp nhà nước, trên 50 lượt báo cáo và kiến nghị của các công ty tư nhân, gần 20 báo cáo của hợp tác xã, tổ hợp tác và rất nhiều ý kiến của các đảng viên đang làm kinh tế tư nhân. Các ý kiến, kiến nghị này đã cung cấp nhiều tình hình thực tế

sinh động, giúp cho việc nghiên cứu các giải pháp phát triển của đất nước trong thời gian tới. Các đồng chí lãnh đạo các tiểu ban còn rất coi trọng việc kết hợp đi thăm chính thức nước ngoài với việc nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước đó để chuẩn bị văn kiện.

Đã mở nhiều lớp nghiên cứu về lý luận, đường lối, quan điểm của Đảng cho cán bộ trung, cao cấp ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Chính những việc đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất về nhận thức tư tưởng trước khi tiến hành Đại hội. Đồng thời qua đó tập trung được trí tuệ của đông đảo cán bộ trung, cao cấp cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội.

Các dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) do các Tiểu ban soạn thảo đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận, tu chỉnh nhiều lần. Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương họp tháng 11-1995 thảo luận, biểu quyết những vấn đề lớn, quan trọng, có nhiều ý kiến khác nhau và gửi văn bản lấy ý kiến các cấp, các ngành, Mặt trận, các đoàn thể, các cán bộ, đảng viên. Sau đó dự thảo Báo cáo chính trị đã được công bố công

khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân góp ý kiến.

Đã có hàng triệu lượt ý kiến của các tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, hơn 2 triệu đảng viên cả nước đã thảo luận xây dựng văn kiện Đại hội VIII. Cùng với việc lấy ý kiến rộng rãi trong Đảng và trong nhân dân, bản Dự thảo về phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000 còn được tổ chức lấy ý kiến tham khảo của các đại diện các tổ chức kinh tế, tài chính, tiền tệ quốc tế và nước ngoài ở Việt Nam.

Quá trình Đại hội đảng bộ các cấp cũng là quá trình các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp ý kiến với Đảng, coi Đại hội Đảng cũng là Đại hội của dân, dân cùng với Đảng bàn việc nước. Trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng đã đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp của cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm thêm hàng trăm công trình, hàng triệu sản phẩm có chất lượng mang tên Đại hội VIII, chào mừng đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương họp tháng 4-1996 và Hội nghị lần thứ mười một Ban Chấp hành Trung ương họp từ ngày 3 đến 9 tháng 6-1996 đã tiếp thu ý kiến đóng góp của Đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương, ý kiến của các tầng lớp nhân dân và thông qua toàn văn các dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng,



nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) trình đại hội VIII.

Tuyệt đại bộ phận ý kiến đóng góp của đại hội đảng các cấp, của các tập thể và cá nhân rất tâm huyết, sâu sắc và thiết thực, là kết quả của một quá trình chuẩn bị rất công phu, suy tư trăn trở và sâu sát cuộc sống. Các ý kiến đều bày tỏ sự nhất trí cao với những nội dung, những quan điểm cơ bản của các Dự thảo văn kiện đồng thời bổ sung, phát triển và làm sâu sắc thêm nhiều vấn đề lớn, quan trọng. Những ý kiến xa lạ với định hướng của Đảng, chỉ là một số rất ít. Ở đây, một lần nữa, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta lại thể hiện ý chí chính trị, nguyện vọng và quyết tâm đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, văn kiện đã được chuẩn bị trên cơ sở tổng kết thực hiện đổi mới ở Việt Nam ; được chuẩn bị có cơ sở khoa học và thực tiễn ; phát huy được dân chủ rộng rãi ; kết tinh được trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

### III - VỀ ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI VIII

#### 1. Đại biểu chính thức.

- Tổng số đại biểu được triệu tập dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng là 1.200 ; có mặt dự Đại hội là 1.196 đại biểu, thay mặt cho 100% đảng bộ trực thuộc Trung ương, đúng với quy định của điều 11 Điều lệ Đảng.

Trong tổng số đại biểu Đại hội VIII có : 158 Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII, chiếm 13% tổng số đại biểu ; 1.034 đại biểu được bầu qua các đại hội đảng bộ trực thuộc, chiếm 86% ; 8 đại biểu đảng bộ ngoài nước do Trung ương chỉ định, chiếm 0,66%.

Có 153 đại biểu là nữ, chiếm 12,6% ; 154 đại biểu là dân tộc ít người, chiếm 12,8% ; 29 đại biểu là anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động ; 13 đại biểu là nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc nhân dân và ưu tú, 10 đại biểu có tuổi đảng cao nhất (vào Đảng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945) ; 891 đại biểu vào Đảng từ năm 1954 đến năm 1975, chiếm 74,3% ; 209 đại biểu có tuổi Đảng ít nhất (vào Đảng từ tháng 5-1975 đến nay). Có 11 đại biểu được tặng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng và 88 đại biểu được tặng huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. 923 đại biểu có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. 998 đại biểu có trình độ lý luận chính trị cao cấp chiếm 83%.

- Có 2 đại biểu cao tuổi nhất là 79 tuổi và 1 đại biểu trẻ tuổi nhất là 28 tuổi.

...a thăm tra, chỉ có một người bị Đại hội bác tư cách đại biểu.

## 2. Khách mời.

- Khách trong nước có 62 người, trong đó có :  
3 đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương khóa VII ; 18 đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng ; 22 đồng chí nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đặc biệt, mời dự Đại hội còn có : 3 đồng chí lão thành cách mạng ; 3 Bà mẹ Việt Nam anh hùng ; 10 vị nhân sĩ, trí thức tiêu biểu và 1 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

## - Khách quốc tế.

Đại hội lần thứ VIII của Đảng ta là sự kiện chính trị được thế giới chú ý quan tâm theo dõi. Nhiều đảng cộng sản, công nhân, nhiều phong trào giải phóng dân tộc và cả một số đảng không phải đảng cộng sản cảm quyền bày tỏ sự đánh giá cao thành công và vai trò lãnh đạo của Đảng ta, muốn được đến Việt Nam và đến Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam để bày tỏ thiện cảm và sự ủng hộ đối với Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam. Vì vậy, nhận lời mời của Trung ương Đảng ta đã có 35 đảng cử đoàn đến dự. Đến dự Đại hội còn có 60 đại biểu của ngoại giao đoàn và các tổ chức quốc

tế có mặt ở Hà Nội. Có 150 phóng viên quốc tế theo dõi đưa tin về Đại hội VIII.

Trong các đoàn quốc tế có các đoàn đại biểu của các đảng vốn đã quan hệ truyền thống lâu năm với Đảng ta ; có một số đảng và phong trào giải phóng dân tộc có vị trí quan trọng ở châu Phi, Mỹ Latinh, Trung Đông ; có một số đảng cộng sản đã được khôi phục, hoạt động hợp pháp và có vị trí quan trọng ở khu vực Liên Xô cũ và Đông Âu. Có một số ít đảng cầm quyền không phải là cộng sản có quan hệ tốt với Đảng ta. Nhiều Đảng đã cử lãnh đạo cấp cao của Đảng đến dự Đại hội VIII. Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc là đồng chí Lý Bằng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ; trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Chủ tịch Đảng, Thủ tướng nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ; trưởng đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Campuchia là ngài Sămđéc Chiaxim, Chủ tịch Đảng, v.v...

Bạn bè quốc tế tham dự Đại hội VIII đều tỏ sự vui mừng được thấy tận mắt những thay đổi nhanh chóng của đất nước ta, ca ngợi đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, mong muốn chia sẻ kinh nghiệm và thắt chặt thêm quan hệ với Đảng ta. Nhiều đảng và phong trào chính trị ở các nước đã gửi điện chào mừng đến Đại hội VIII của Đảng ta.

Sự có mặt và tình cảm sâu sắc được bày tỏ trong các bài phát biểu chào mừng **Đại hội** của đại

biểu các đảng bạn và bạn bè quốc tế là một sự cổ vũ to lớn đối với Đảng và nhân dân ta, cũng thể hiện hiệu quả của đường lối đối ngoại mở rộng hợp tác quốc tế của Đảng ta.

#### **IV - NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG**

Đại hội VIII có nhiều văn kiện : Báo cáo chính trị ; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 ; Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng bổ sung, sửa đổi ; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII ; Báo cáo về vấn đề nhân sự Đại hội, bản trình bày của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khái quát những nội dung của các văn kiện nói trên.

Đại hội đã sôi nổi thảo luận với 909 lượt đồng chí phát biểu ở tổ, có hơn 100 bản tham luận gửi đến Đoàn Chủ tịch và đã có hơn 30 bản được trình bày ở hội trường.

Đại biểu Đại hội đã biểu thị nhất trí cao với các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương khóa

VII trình Đại hội ; cho rằng các dự thảo văn kiện được chuẩn bị công phu, có chất lượng, bố cục hợp lý, nội dung súc tích, đánh giá tình hình sát thực tế, có tính tổng kết ; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu ra có cơ sở khoa học, có tính khả thi. Các văn kiện đã thể hiện được trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Đại hội hoan nghênh và trân trọng tiếp thu những ý kiến đóng góp đầy trách nhiệm, tâm huyết, thiết thực trên nhiều vấn đề lớn quan trọng của đại hội đảng các cấp, của các tập thể và của các cá nhân. Điều đó, một lần nữa, thể hiện ý chí nguyện vọng và quyết tâm đoàn kết xung quanh Đảng Cộng Việt Nam để cùng Đảng bàn việc nước.

Sau đây là những nội dung chủ yếu của các văn kiện mà Đại hội tập trung thảo luận và biểu quyết thông qua.

## **A - ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII VÀ 10 NĂM ĐỔI MỚI**

**1. Đánh giá 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VII (1991 - 1995), Đại hội nhất trí cao về 5 thành tựu nổi bật :**

+ Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm.

+ Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội.

+ Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh.

+ Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị,

+ Phát triển mạnh quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

Trong 5 thành tựu đó, Đại hội đã phân tích sâu sắc thêm mức độ của mỗi thành tựu, vị trí và mối quan hệ giữa các thành tựu.

2. Đại hội nhấn mạnh rằng trong khi đánh giá đúng thành tựu, thấy rõ thành tựu để củng cố niềm tin, chúng ta cần thấy rõ, cần nhìn thẳng vào **5 khuyết điểm và yếu kém** chủ yếu sau đây : Một là, nước ta còn nghèo và kém phát triển, chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Hai là, tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Ba là, việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng. Bốn là, quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót. Năm là, hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

### 3. Đánh giá tổng quát 10 năm đổi mới.

Tuy còn nhiều mặt chưa thật vững chắc và còn nhiều khuyết điểm yếu kém, phải nỗ lực khắc phục, song cho đến nay, thế và lực của nước ta đã có sự biến đổi về chất. Vì vậy, Đại hội nhất trí cao với nhận định tổng quát hết sức quan trọng : Công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm (1991 - 1995) đã hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Có ý kiến cho rằng chưa nên nhận định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ? Bởi vì nhận định đó dễ gây ra chủ quan, duy ý chí. Chỉ nên nói "bước đầu ra khỏi", "cơ bản ra khỏi", "đang ra khỏi" hoặc "ra khỏi khủng hoảng kinh tế nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng xã hội".

Đại hội cho rằng xét trên những tiêu chí cơ bản như : kinh tế suy thoái hay tăng trưởng ; lạm phát ra sao, tình trạng thất nghiệp đến mức nào ; đời sống của nhân dân và niềm tin của quần chúng được khôi phục... thì nhận định "nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng một số mặt còn chưa vững chắc" là đúng mức, phù hợp với thực tế. Có 873 đại biểu, chiếm 72,87% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành nhận định nói trên.



- Có 1.043 đại biểu, chiếm 87,06% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành với nhận định : nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận định này là một bước phát triển mới so với nhận định của Hội nghị Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ tháng 1-1994. Lúc đó mới nói đưa đất nước ta chuyển dần sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giữa "chuyển dần" và "đẩy tới" với "chuyển sang" và "đẩy mạnh" không chỉ là sự thay đổi về lượng mà có sự khác nhau về chất. Những tiền đề đã tạo ra là : sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng phát triển khá ; đời sống của nhân dân được cải thiện ; có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế ; các cân đối lớn về ngân sách, xuất nhập khẩu, tiền - hàng... được cải thiện cơ bản ; lạm phát được kiềm chế ; kinh tế đối ngoại mở rộng vượt bậc ; ổn định chính trị được giữ vững...

- Một vấn đề Đại hội thảo luận khá sôi nổi là ta có chệch hướng hay không ? Phạm vi và mức độ đến đâu ?

Có ý kiến cho rằng không nên nói chệch hướng vì nói như vậy dễ gây tâm lý hoài nghi, hoặc có phần cường điệu tình hình ; nhưng cũng có ý kiến cho rằng sự chệch hướng trên thực tế là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự tồn vong của chế độ.

Đại hội đã biểu quyết, với 1.097 đại biểu, chiếm 91,57% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành nhận định : "Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm lệch lạc lớn và kéo dài dẫn tới chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác". Những cách nghĩ, cách làm trái với lý tưởng của Đảng, với con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; sự thoái hóa về phẩm chất đạo đức ; mơ hồ chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch ; buông lỏng lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới ; để cho nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công diễn ra nghiêm trọng kéo dài ; sự phân hóa giàu nghèo quá nhanh ; văn hóa phẩm độc hại lan tràn ; tệ nạn xã hội phát triển... đó là những vấn đề nếu không được khắc phục có hiệu quả, thì sẽ làm suy yếu Đảng, làm ruồng một bộ máy nhà nước, làm biến chất chế độ, đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Đại hội nhấn mạnh rằng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh khó khăn, phức tạp, diễn ra hằng ngày, hằng giờ. Điều quan trọng là kịp thời phát hiện sai lầm, khuyết điểm, đề ra biện pháp sửa chữa đúng đắn, tránh nể nang hoặc truy chụp, ảnh hưởng đến sự đồng tâm nhất trí trong toàn Đảng.

- Hình thành tư duy và đường lối đổi mới toàn diện đất nước là một quá trình. Quá trình đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn từ Đại hội VI đến Đại hội VII, các văn kiện trình Đại hội VIII kế thừa và phát triển những đường lối, chủ trương đúng đắn của các Đại hội VI, VII lên một tầm cao mới, chiều sâu mới. Vì vậy Đại hội VIII đã nhất trí khẳng định rằng : Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

**4. Tổng kết chặng đường qua 10 năm đổi mới, Đảng ta rút ra 6 bài học chủ yếu như sau :**

*Một là*, trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ nước ta.

*Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

*Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

*Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, động viên mọi nguồn lực bên trong, đồng thời khai thác tốt những điều kiện thuận lợi mới trong quan hệ đối ngoại, tạo môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Việc mở rộng quan hệ đối ngoại phải trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

*Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng ta phải luôn luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Cũng cố và xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ; tăng cường bản chất giai cấp công nhân và

tính tiên phong của Đảng, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Những bài học đó là sự kế thừa, phát triển và nâng cao những bài học đã được tổng kết từ Đại hội VI, Đại hội VII, đồng thời là một sự tổng kết mới từ thực tiễn phong phú của 5 năm qua.

## **B - ĐẤT NƯỚC CHUYỂN SANG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI - THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

- Đại hội đã nhất trí nhận định : nước ta chuyển sang thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình thế giới có những đặc điểm và xu thế mới. Trong 5 đặc điểm chủ yếu trong quan hệ quốc tế mà Đại hội đã thảo luận và khẳng định, có thể tóm tắt như sau :

+ Tính chất của thời đại vẫn không thay đổi - loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới.

+ Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc, tôn giáo... vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Hòa bình, ổn định, hợp tác là đòi hỏi bức xúc của các dân tộc, các quốc gia trên thế giới. Vừa đấu tranh, vừa hợp tác cùng tồn tại hòa bình là xu hướng chung trên thế giới.

+ Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội.

+ Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu, đòi hỏi phải có sự hợp tác đa phương mới giải quyết được.

+ Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực đang phát triển năng động, nhiều thuận lợi, nhưng cũng là nơi đang chứa đựng một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Nắm vững đặc điểm tình hình xu hướng quốc tế, tranh thủ thời cơ, khắc phục và đẩy lùi nguy cơ để đưa đất nước tiến lên, vừa là trách nhiệm, vừa là khoa học và nghệ thuật lãnh đạo của Đảng ta.

- Về thời cơ lớn, Đại hội khẳng định nó được tạo ra trước hết do những thành tựu của đổi mới, của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời cũng do sự tác động của nhiều xu thế tích cực trong tình hình thế giới.

- Về thách thức lớn, bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu lên : nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với các nước xung quanh ; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nguy cơ về tệ quan liêu, tham nhũng ; và nguy cơ "diễn biến hòa bình", vẫn là những thách thức lớn.

Qua thảo luận, một số ý kiến cho rằng tụt hậu xa hơn về kinh tế phải là nguy cơ số một, vì kinh tế là quyết định nhất. Ý kiến khác lại cho rằng nguy cơ số một là tệ quan liêu, tham nhũng, sự suy thoái về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể và sự tha hóa trong xã hội. Cũng có ý kiến nhấn mạnh không lo tụt hậu, không lo chệch hướng, không sợ "diễn biến hòa bình" bằng sự không công bằng xã hội, bởi vì như Bác Hồ đã nói : không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng ; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

Đại hội đã kết luận rằng chúng ta không được coi nhẹ bất cứ một nguy cơ nào, mà phải thấy sự tác động lẫn nhau giữa các nguy cơ và tính nguy hiểm của tất cả các nguy cơ đó.

Do các thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen lẫn nhau, vì vậy tinh thần chủ đạo của Đảng ta là chủ động nắm lấy thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới. Đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả nguy cơ mới có thể

nảy sinh, bảo đảm cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng.

### **Mục tiêu phát triển.**

#### *Mục tiêu đến năm 2020 :*

Nhận định nước ta đã chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một nhận định cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp sắp tới.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Có 1.151 đại biểu, chiếm 96,08% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành với mục tiêu này.

#### *Mục tiêu đến năm 2000 :*

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh



công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của nhân dân là ta tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 ; tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Cụ thể : đến năm 2000 tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tăng gấp đôi 1990 ; nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân hàng năm đạt 9 - 10%. Tỷ lệ đầu tư khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 19 - 20%, công nghiệp và xây dựng 34 - 35%, dịch vụ 45 - 46%, tổng sản phẩm trong nước. Có 1.121 đại biểu, chiếm 93,57% tổng số đại biểu được triệu tập, tán thành mục tiêu : Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990 ; có 1.156 đại biểu, chiếm 96,49% tổng số đại biểu được triệu tập, tán thành : Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước bình quân tăng hàng năm (1996 - 2000) là 9 - 10%.

## C - PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI, THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đây là một trong những nội dung quan trọng nhất của Đại hội VIII, Đại hội đã tập trung thảo luận, làm rõ những vấn đề cơ bản cả về quan điểm, mục tiêu, nội dung cũng như những giải pháp cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm sắp tới.

- Về quan điểm, Đại hội nhấn mạnh rằng trong điều kiện mới cần chú ý các vấn đề chủ yếu sau :

+ Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm khả năng giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế, an ninh, quốc phòng, chủ động tham gia phân công lao động và hợp tác quốc tế, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh.

+ Công nghiệp hóa phải là sự nghiệp của toàn dân, của nhiều thành phần kinh tế, lấy việc phát huy nguồn lực con người, làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên mọi người, mọi nhà, mọi cấp, mọi ngành cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

+ Dựa vào các nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

+ Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam là nhân tố quyết định cho thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Về mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh giữ vững.

- Về nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đại hội nhấn mạnh phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đây là vấn đề thảo luận rất sôi nổi. Các ý kiến đều xoay quanh vấn đề chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Nhiều ý kiến nhấn mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam bắt đầu và thành công là từ vấn đề nông nghiệp và nông thôn, đây là khu vực đặc biệt quan trọng của xã hội Việt Nam. Nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại

hóa nông nghiệp và nông thôn là phản ánh đúng đòi hỏi bức xúc trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, biểu hiện sự sáng suốt trong đường lối đổi mới của Đảng trong tình hình hiện nay.

Đại hội cũng nhấn mạnh chúng ta phải kế thừa thành tựu của thời kỳ trước rút kinh nghiệm từ những sai lầm thiếu sót trước đây để đề ra bước đi, giải pháp thích hợp nhằm triển khai có hiệu quả hơn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính sách phát triển công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với các chính sách và giải pháp phát triển các ngành và các lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Đặc biệt quan tâm xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

## **2. Xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.**

Đại hội nhấn mạnh, phải khắc phục khuyết điểm trong thời gian qua việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng. Vì vậy cần phải chỉ ra phương hướng, biện pháp cụ thể xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là :

- Cần quán triệt quan điểm phát triển kinh tế nhiều thành phần để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất do công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng qua 10 năm đổi mới. Cho nên phải thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Khuyến khích mọi doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng để đầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh.

- Nền kinh tế nhiều thành phần mà Đảng ta chủ trương là nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó Đại hội nhấn mạnh phải chăm lo đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế nhà nước thực sự làm ăn có hiệu quả, phát huy tốt vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

- Phát triển rộng rãi các hình thức tư bản nhà nước. Áp dụng nhiều phương thức hợp tác, liên doanh giữa nhà nước với các nhà tư bản trong nước và các công ty tư bản nước ngoài. Tạo thế và lực cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, tăng khả năng hợp tác và cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn họ từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện.

- Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất, yên tâm làm ăn lâu dài. Từng bước đưa họ đi vào con đường liên doanh, liên kết với nhà nước, trở thành những hình thức kinh tế tư bản Nhà nước.

### **3. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.**

Đại hội cho rằng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế nhiều thành phần không thể tách rời việc xây dựng đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội nhấn mạnh một số tư tưởng quan trọng của cơ chế mới.

- Cơ chế thị trường không những không đối lập, mà còn là một nhân tố khách quan cần thiết của việc xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Song cần nhận rõ mặt tác động tiêu cực của cơ chế thị trường ; phải nâng cao năng lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường, xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp luật, kế hoạch, các thiết chế tài

chính, tiền tệ và những phương tiện vật chất và tổ chức cần thiết cho sự quản lý của Nhà nước.

- Phải xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Thị trường vừa là căn cứ vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch phải xác định một hệ thống các chỉ tiêu vĩ mô, tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, lựa chọn phương án, chính sách và giải pháp để định hướng phát triển cho toàn bộ nền kinh tế.

- Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển của đất nước. Cạnh tranh không mâu thuẫn với độc quyền nhà nước ở mức độ cần thiết, trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định.

- Thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng chủ sở hữu tài sản công của Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường.

## **D - CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI**

Đại hội cho rằng mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động.

Có hàng loạt vấn đề xã hội đang đặt ra. Song trong các văn kiện Đại hội tập trung đề cập đến một số vấn đề bức bách về con người và xã hội thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa - văn nghệ và một số vấn đề xã hội khác.

**1. Về vấn đề con người :** Các văn kiện tập trung trình bày các phương hướng chủ yếu phát triển trí tuệ của người Việt Nam thể hiện trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

- Về khoa học công nghệ, điểm nổi bật là kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ đều được coi trọng đúng với tính cách là cơ sở để hoạch định đường lối chính sách, là nhân tố thúc đẩy sự phát triển ; trong đó chú trọng nghiên cứu vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ phải thực sự trở thành quốc sách hàng đầu. Bằng nhiều hình thức đảm bảo cho mọi người được học, nhất là người nghèo và con em thuộc diện chính sách. Động viên toàn dân tham gia xóa mù chữ và phổ cập tiểu học. Cải tiến chất lượng dạy và học, đổi mới nội dung theo định hướng cơ bản, hiện đại, giáo dục ý chí vươn lên vì tương lai của



bản thân và tiền đồ của đất nước. Chuẩn bị tốt hành trang cho thế hệ trẻ đi vào thế kỷ XXI.

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa, văn nghệ cùng với khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo làm phong phú đời sống tinh thần con người Việt Nam. Đi vào kinh tế thị trường, mở cửa giao lưu quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng phải giữ gìn và phát huy cao độ bản sắc văn hóa dân tộc ; tiếp thu giá trị văn hóa của các dân tộc khác nhưng không được xa rời giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc.

- Muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh không những phải có con người phát triển về trí tuệ, trong sáng về đạo đức lối sống mà còn phải có con người cường tráng về thể chất. Chăm lo cho con người về thể chất là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể. Cùng với việc lo cho bữa ăn hằng ngày của người dân tốt hơn. Các ngành y tế, thể dục thể thao, dân số kế hoạch hóa gia đình phải làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

**2. Về công bằng xã hội :** Đây là vấn đề được đề cập và thảo luận nhiều trong Đại hội. Câu hỏi lớn được đặt ra là trong kinh tế thị trường thì làm gì và làm như thế nào để đảm bảo công bằng xã hội ?

- Tổng kết 10 năm đổi mới, Đại hội đi tới kết luận rằng không phải chờ kinh tế cao rồi mới đặt vấn đề giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước phát triển, tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

Công bằng xã hội không chỉ được thể hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn thực hiện ngay trong khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo những điều kiện chung cho mọi người thực hiện tốt năng lực của mình.

Để đảm bảo công bằng xã hội phải khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp, đi đôi với xóa đói, giảm nghèo ; tạo điều kiện thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt là các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách.

- Giải pháp nào để giải quyết tốt vấn đề con người và xã hội cấp bách trong khi nguồn ngân sách còn hạn hẹp lại phải giành tích lũy cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ? Đại hội nhất trí cho rằng giải pháp tối ưu là xã hội hóa, trong đó nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Nhà nước và nhân dân cùng làm, việc khó dựa vào dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp, tạo nguồn lực mới sẽ giải quyết được vấn đề con người và xã hội trong thời kỳ hiện nay.

## E - VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI LỚN TRONG KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000

Đại hội VIII đã đề ra 11 chương trình và lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội lớn trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, (có 1.133 đại biểu, chiếm 94,57% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành), có thể tóm tắt thành 5 nhóm chương trình lớn như sau :

- Nhóm chương trình và lĩnh vực phát triển về nông nghiệp, kinh tế nông thôn, vùng lãnh thổ, miền núi và dân tộc, tập trung vào các mục tiêu và phương hướng chính :

+ Phát triển toàn diện, nông lâm ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ; đổi mới cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong mọi tình huống.

+ Tạo điều kiện các vùng đều phát triển trên cơ sở phát huy thế mạnh và tiềm năng của mỗi vùng, liên kết các vùng.

+ Ưu tiên ban đầu cho vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn, trước hết là những địa bàn xung yếu, vùng căn cứ cách mạng.

+ Khai thác tối đa vùng biển, ven biển để phát triển kinh tế, kết hợp với an ninh, quốc phòng, bảo vệ và làm chủ vùng biển của Tổ quốc.

- Nhóm chương trình và lĩnh vực phát triển về công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ, tập trung vào mục tiêu và phương hướng chính :

+ Phát triển nhanh một số ngành công nghiệp có lợi thế, có sức cạnh tranh trên thị trường, hướng mạnh về xuất khẩu. Hình thành một số sản phẩm mũi nhọn trong các lĩnh vực như chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu.

+ Nâng cấp và cải tạo các cơ sở công nghiệp hiện có, hình thành các khu công nghiệp tập trung.

+ Phát triển công nghiệp ở nông thôn và ven đô thị.

+ Phát triển giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

+ Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng ở miền núi, nông thôn đặc biệt là đường, điện, trường, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc...

+ Dịch vụ thương mại đảm bảo lưu thông hàng hóa, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, mở rộng thương mại quốc tế.

+ Củng cố và phát triển thương nghiệp nhà nước trong những ngành hàng thiết yếu, trước hết là địa bàn còn bỏ trống, từng bước tổ chức hợp tác xã mua bán và mạng đại lý.

+ Phát triển du lịch và các dịch vụ thông tin, tư vấn về công nghệ, pháp luật, tài chính...

- Chương trình kinh tế đối ngoại nhằm các mục tiêu :

+ Thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài và các dịch vụ ngoại tệ khác.

+ Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, giảm thị trường trung gian.

+ Tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng đã qua chế biến, tạo nhóm hàng, mặt hàng có khối lượng và giá trị lớn.

+ Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 28%, kim ngạch nhập khẩu tăng 24%, thay thế nhập khẩu một số mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

+ Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ; nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam trong các cơ sở liên doanh với nước ngoài.

- Nhóm các chương trình về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, tập trung vào các mục tiêu và hướng chính :

+ Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh ; nắm bắt các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới, lựa chọn và làm chủ công nghệ chuyển giao vào Việt Nam. Từng bước đưa công nghệ nước ta đạt trình độ trung bình của khu vực.

+ Bước đầu phát triển một số lĩnh vực công nghệ cao về điện tử, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hóa.

+ Nâng tỷ lệ đổi mới thiết bị trong các ngành sản xuất mỗi năm từ 10% trở lên.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt yêu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

+ Nâng cao mặt bằng dân trí. Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng tỷ lệ nguồn lao động được đào tạo trong tổng số lao động lên 22 - 25% vào năm 2000.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ vững mạnh, phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật, quản lý kinh tế - xã hội và quản trị kinh doanh.

- Nhóm các chương trình về phát triển văn hóa - xã hội, tập trung vào những mục tiêu và phương hướng sau :

+ Giải quyết việc làm, Nhà nước đầu tư tạo thêm chỗ làm việc và tạo điều kiện cho mọi người

tự tạo việc làm cho mình và cho người khác, giảm tỷ lệ người chưa có việc làm ở thành thị xuống còn 5% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 75% vào năm 2000.

+ Xóa đói giảm tỷ lệ nghèo xuống còn 10% vào năm 2000.

+ Mở rộng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, bảo đảm cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình nơi cư trú.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình và các mặt xã hội khác.

+ Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, đẩy lùi tiêu cực, bất công và các tệ nạn xã hội.

+ Phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển xã hội giữa các vùng ; đặc biệt quan tâm đầu tư các lĩnh vực xã hội ở các vùng có nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa... nhất là về y tế, giáo dục, truyền thanh, truyền hình, văn hóa văn nghệ...

## **G - VẤN ĐỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI**

Tư tưởng lớn về vấn đề này được Đại hội thảo luận là tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ

độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, củng cố môi trường hòa bình để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Luôn luôn coi xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ với nhau.

### **1. Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm tới :**

- Từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang.

- Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh.

### **2. Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới :**

- Củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ



quốc, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

- Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, nêu cao tinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết.

- Tăng cường quan hệ với Liên hợp quốc, với các tổ chức quốc tế.

- Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ ; thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

- Mở rộng đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ.

**H - TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN  
TỘC, PHÁT HUY VAI TRÒ LÀM CHỦ CỦA NHÂN  
DÂN, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Đây là vấn đề rất quan trọng và rộng lớn, Đại hội tập trung vào bốn vấn đề nổi bật hiện nay. Đó là vấn đề đại đoàn kết dân tộc ; vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; vấn đề xây dựng và hoàn thiện nhà nước và vấn đề chống quan liêu, tham nhũng.

**1. Về vấn đề đại đoàn kết,** Đại hội nhấn mạnh rằng cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Chế độ của ta là chế độ do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy phải phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược.

Sự nghiệp xây dựng đất nước đòi hỏi mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay định cư ở nước ngoài, để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng.

Phải có các chính sách cụ thể, thiết thực để thực hiện đại đoàn kết dân tộc và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân ; trong đó chính sách chăm

lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

**2. Vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân,** Đại hội yêu cầu phải có cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm : "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế làm chủ của nhân dân : làm chủ thông qua đại diện, làm chủ trực tiếp và các hình thức tự quản tại cơ sở.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

**3. Về vấn đề Nhà nước,** Đại hội nhấn mạnh, phải xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Làm cho Nhà nước thực sự là cột trụ của hệ thống chính trị, là công cụ có hiệu lực và hiệu quả thực hiện quyền lực của nhân dân. Đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân ; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**4. Hiện nay, cán bộ, đảng viên, nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng.** Nạn tham nhũng đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến tồn vong của hệ thống chính trị. Đảng, Nhà nước và nhân dân đã có những biện pháp khắc phục, nhưng hiệu quả còn rất thấp.

Xác định đây vẫn là một cuộc đấu tranh quyết liệt, gay go, phức tạp, là một thử thách lớn đối với Đảng và Nhà nước ta, Đại hội đã quyết định những biện pháp tích cực nhằm tiến hành một cách thường xuyên, kiên quyết và có hiệu quả để chống lại tệ tham nhũng. Kết hợp biện pháp cấp bách với những giải pháp có tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, vừa xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng.

## I - VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

### 1. Về xây dựng Đảng.

Xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt, nhất là trong tình hình hiện nay, khi đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm trong quá trình đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới ; đồng thời Đảng có trách nhiệm trong việc để kéo dài nhiều mặt yếu kém, tiêu cực trong bộ máy đảng, nhà nước và trong xã hội. Chính trong quá trình

lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém của mình để có biện pháp khắc phục.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm trên đây, Đại hội đã giành nhiều thời gian để thảo luận về xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi). Đại hội khẳng định, Đảng ta không chỉ có khả năng lãnh đạo đất nước tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà còn có khả năng, trí tuệ lãnh đạo đất nước đạt nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng luôn luôn chú ý tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để từng bước bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới một cách đúng đắn, sáng tạo. Đảng luôn quan tâm tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ ; có những biện pháp đổi mới, chỉnh đốn đảng gắn với nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Đại hội cũng nhấn mạnh trình độ năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Tổ chức cơ sở đảng nhiều nơi yếu kém, có nơi tê liệt ; không ít nơi mất đoàn kết nghiêm trọng ; một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa đọa về đạo đức, lối sống, một số ít thoái hóa về chính trị ; công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa được chú trọng.

Đây thực sự là một nguy cơ "xói mòn" từ trong nội bộ Đảng, làm giảm sút sức mạnh chiến đấu của Đảng. Vì vậy cần phải có biện pháp kiên quyết để khắc phục.

Đại hội chỉ rõ, để làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ trung ương đến cơ sở, ở tất cả các ngành, các cấp.

Trong công tác xây dựng Đảng phải thường xuyên nắm vững và làm tốt những yêu cầu cơ bản là : giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên ; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng, đủ bản lĩnh và năng lực về các mặt ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ; tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra ; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trong tình hình mới.

## **2. Về Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).**

Đại hội nhất trí thông qua Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi). Điều lệ mới gồm có phần mở đầu, 12 chương 48 điều. So với Điều lệ cũ bỏ 3 điều,

thêm 4 điều mới và được tu chỉnh văn phong, câu chữ ở nhiều điều.

a) Về bản chất của Đảng.

Đây là vấn đề được thảo luận sôi nổi ở các Đại hội đảng các cấp cũng như tại Hội nghị Trung ương chín, mười, mười một và ngay trong Đại hội toàn quốc. Các đại biểu đều khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, song cách diễn đạt có khác nhau. Ví dụ có các ý kiến đề nghị viết "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc" ; "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc". "Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc"...

Song qua thảo luận, Đại hội thấy rằng cách trình bày như Cương lĩnh của Đại hội VII : "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc" là phù hợp với nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng kiểu mới, đồng thời thể hiện được mối quan hệ mật thiết và ý thức trách nhiệm to lớn của Đảng với giai cấp, với nhân dân và với dân tộc mình. Vì vậy Đại hội đã nhất trí giữ cách trình bày như trong Cương lĩnh.

b) Về mục đích của Đảng.

Để thể hiện nội dung toàn diện trong mục đích của Đảng, khẳng định nội dung độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, Đại hội nhất trí ghi vào Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) như sau : "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản".

c) Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân và điều kiện "không bóc lột" đối với người vào Đảng.

Việc đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không, có tiếp tục ghi cụm từ "không bóc lột" vào Điều lệ mới không, là vấn đề được thảo luận rất sôi nổi, với nhiều ý kiến lập luận, phân tích khác nhau.

Đại hội khẳng định rằng đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc. Bởi lẽ, nếu cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì dần dần trong Đảng sẽ có hàng vạn nhà tư bản, khi đó sẽ thay đổi bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Đảng viên cũng là công dân, phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật, nhưng đồng thời vì là đảng viên nên còn phải phục tùng Điều lệ Đảng. Điều kiện "không bóc lột" quy định cho đảng viên có quan hệ với việc không được làm kinh tế tư bản tư nhân. Người được tổ chức



đảng xem xét, kết nạp vào Đảng cũng phải đảm bảo điều kiện "không bóc lột". Đây là vấn đề có tính nguyên tắc đã được ghi trong Điều lệ từ khóa III tới nay. Vì vậy Đại hội đã quyết định Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) ghi cụm từ "không bóc lột" này ở Điều 1 (ở cả điểm 1 quy định tiêu chuẩn đảng viên và ở điểm 2 quy định tiêu chuẩn người vào Đảng).

*d) Vấn đề về nguyên tắc tổ chức, cơ cấu tổ chức đảng, cơ quan lãnh đạo của Đảng.*

So với Điều lệ Đại hội VII, thì Điều lệ mà Đại hội VIII vừa thông qua có một số vấn đề bổ sung mới. Dưới đây là một số điểm nổi bật :

- Về chuẩn y cấp ủy : "Cấp ủy khóa mới nhận bàn giao từ cấp ủy khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp".

- Điều lệ không nêu quy định về đại hội đại biểu bất thường ở các cấp. Riêng ở cấp trung ương Điều lệ quy định : "Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần, hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu bất thường...".

Điều lệ bỏ quy định về hội nghị đại biểu đảng bộ các cấp giữa nhiệm kỳ.

- Qua tổng kết thực tiễn công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, Điều lệ lần này quy định : lập Thường vụ Bộ Chính trị, không lập Ban Bí thư. Thường vụ Bộ Chính trị do Bộ Chính trị cử ra. Có 1.032 đại biểu, chiếm 86,14% tổng số đại biểu được triệu tập tán thành quy định này.

- Về nhiệm kỳ đại hội cấp cơ sở cũng có sự thay đổi, Điều lệ quy định : cơ sở xã, phường, thị trấn 5 năm một lần ; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng thời gian sớm hoặc muộn không được quá một năm.

- Điều lệ cũng bổ sung và sửa đổi một số điểm về công tác kiểm tra đảng ; về kỷ luật đảng viên ; về lập đảng đoàn, lập ban cán sự ; về nguồn tài chính của Đảng...

## V - NHÂN SỰ BAN CHẤP HÀNH

### TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

#### 1. Tiêu chuẩn và cơ cấu.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đại hội VIII, Đại hội phải lựa chọn, bầu ra cơ quan lãnh đạo của Đảng đáp ứng với đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới. Do vậy, tiêu chuẩn Ủy

viên Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII được Đại hội nhấn mạnh :

- Phẩm chất chính trị phải vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có đạo đức và lối sống trong sáng, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng ; không tham vọng cá nhân, không cục bộ bản vị ; không cơ hội và đấu tranh chống mọi biểu hiện cơ hội.

Việc lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương phải trên cơ sở đức, tài, trong đó đức là gốc.

Trong cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đại hội đã chú ý lựa chọn cán bộ xuất thân là công nhân, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ lý luận, khoa học công nghệ, luật pháp, văn học nghệ thuật ; cán bộ ở một số cơ sở sản xuất kinh doanh trọng yếu, các trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường đại học...

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII có ba độ tuổi để bảo đảm tính kế thừa và phát triển.

## **2. Quá trình chuẩn bị nhân sự.**

Công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII có ý nghĩa cực kỳ quan trọng,

được toàn Đảng, toàn dân quan tâm. Nhận thức rõ trọng trách của mình, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) tháng 3-1995 đã xác định quan điểm, yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu và kế hoạch tiến hành chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Trung ương đã cử ra Tiểu ban nhân sự gồm 11 đồng chí do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng Tiểu ban để giúp Ban Chấp hành trong công tác chuẩn bị nhân sự.

Để tập hợp được rộng rãi ý kiến của đảng viên và đề cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy và tổ chức đảng trong việc đề xuất giới thiệu nhân sự Trung ương, tiểu ban nhân sự đã chỉ đạo thực hiện quy trình theo hai bước :

**Bước 1 :** Lấy ý kiến rộng rãi giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên.

Kết quả đã có gần 16.000 đảng viên tham gia giới thiệu và trên 1.700 đồng chí được giới thiệu.

**Bước 2 :** Trên cơ sở tổng hợp danh sách giới thiệu bước 1 của từng đơn vị, địa phương, các đồng chí trong ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ban của Trung ương, Thường vụ đảng ủy cơ quan, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố đã trao đổi, thảo luận tập thể để lựa chọn giới thiệu nhân sự Trung ương bước 2, bước này được tập trung hơn.

Kết quả đã có trên 800 đồng chí được giới thiệu.

Ngoài ra, Tiểu ban nhân sự đã phân công một số đồng chí tiếp xúc, tham khảo ý kiến của cán bộ lão thành cách mạng. Nhiều đồng chí đã trực tiếp gặp hoặc gửi thư cho Tiểu ban nhân sự đóng góp những ý kiến với tinh thần trách nhiệm cao và tâm huyết, phản ánh mối quan tâm đặc biệt của cán bộ, đảng viên đối với việc xây dựng Ban Chấp hành Trung ương, nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước.

Kết quả bầu cử các cấp ủy của đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương cũng là một căn cứ quan trọng để lựa chọn, giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Tiểu ban nhân sự Trung ương và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiến hành trao đổi nhiều lần về công tác nhân sự với từng đồng chí Ủy viên Trung ương. Tại các Hội nghị lần thứ mười, mười một và mười hai, tập thể Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã thảo luận và cuối cùng nhất trí dự kiến một danh sách Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII giới thiệu với Đại hội.

Tóm lại, công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, các bước tiến hành chặt chẽ, phát huy dân chủ trong Đảng, đề cao tinh thần trách nhiệm tập thể của các cấp ủy, tổ chức

dảng cũng như của từng đồng chí Ủy viên Trung ương.

### 3. Kết quả bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã nhất trí trình với Đại hội danh sách đề cử Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII gồm 168 đồng chí.

Đại hội đã giới thiệu thêm 21 đồng chí ; thông qua danh sách bầu gồm 189 đồng chí và quyết định bầu lấy 170 đồng chí.

Kết quả bầu cử : Đại hội đã bầu được Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII gồm 170 đồng chí, trong đó có 96 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa VII.

Danh sách Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII bảo đảm được sự lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII :

- Tăng thêm các đồng chí công tác ở các địa phương, các cơ sở sản xuất kinh doanh lớn, các trung tâm khoa học, các trường đại học.
- Tỷ lệ cán bộ nữ : 10,59%, tăng hơn các khóa trước (khóa VI là 7,5% ; khóa VII là 8,2%).
- Tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số : 9,41%, tương đương các khóa trước.
- Trình độ đại học và trên đại học : 84,7%, tăng hơn các khóa trước (khóa VI là 43,3% ; khóa VII là 65%).

- Tuổi bình quân : 54,56 , thấp hơn các khóa trước (khóa VI là 56,1 ; khóa VII là 57,1).

#### **4. Kết quả bầu cử Tổng Bí thư, Bộ Chính trị.**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã họp phiên đầu tiên để bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng, kết quả như sau :

- Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng :  
Đồng chí Đỗ Mười.

- Bộ Chính trị khóa VIII có 19 đồng chí, trong đó có 10 đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị khóa VII và 9 đồng chí mới tham gia.

Như vậy, kết quả Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII bầu Bộ Chính trị, bảo đảm được nguyên tắc ổn định, kế thừa và phát triển.

#### **5. Kết quả bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương.**

- Chủ nhiệm : Đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ.

- Ủy ban Kiểm tra gồm 7 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

**6. Ban Chấp hành Trung ương tôn vinh các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương khóa VII : Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công tiếp tục làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.**

# **NỘI DUNG CHỦ YẾU**

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN  
LẦN THỨ IX**

*TỪ NGÀY 25 ĐẾN NGÀY 27-4-1996  
TẠI THỊ XÃ PHAN THIẾT*



NỘI DUNG CHỦ YẾU

ĐẠI HỘI NỘI ĐIỀU  
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUAN  
LẦN THỨ IX

TỜ NGAY 28 BÊN NGÀY 23-10-1960  
TẠI THỊ XÃ THUAN THUAN

## DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ BÌNH THUẬN KHÓA IX

1. Lê Thị Ẩn
2. Mã Điền Cư
3. Tăng Việt Cường
4. Phạm Quỳnh Châu
5. Ngô Minh Chính
6. Huỳnh Ngọc Diệp
7. Phạm Trọng Do
8. Phạm Dũng
9. Nguyễn Văn Dũng
10. Nguyễn Bá Đa
11. Trần Xuân Đạt
12. Đặng Văn Hải
13. Lâm Quang Hiền
14. Huỳnh Quang Hòa
15. Trần Thị Thái Hòa
16. Lê Tú Hoàng
17. Nguyễn Mạnh Hùng
18. Trần Khán
19. Nguyễn Quang Kiệt
20. Lê Đắc Lâm
21. Giang Hồng Linh
22. Lê Đình Liêm
23. Vũ Thị Ngọc Liên
24. Ngô Lụa
25. Trương Tấn Luận
26. Hồ Dũng Nhật
27. Bùi Tấn Phúc
28. Lê Tiến Phương
29. Nguyễn Hữu Quý
30. Dương Văn Sâm
31. Phạm Đình Sơn
32. Châu Minh Sơn
33. Nguyễn Thành Tâm
34. Đinh Quang Toại
35. Nguyễn Quang Tường
36. Huỳnh Văn Tý
37. Lê Minh Thạnh
38. Châu Văn Thư
39. Trần Hồng Trinh
40. Đinh Trung
41. Trần Thịnh
42. Nguyễn Văn Thiệu
43. Lê Văn Ưng

# DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN KHÓA IX

1. Đinh Trung
2. Nguyễn Quang Tường
3. Đặng Văn Hải
4. Nguyễn Bá Đa
5. Trần Khán
6. Nguyễn Thành Tâm
7. Trần Hồng Trinh
8. Phạm Quỳnh Châu
9. Ngô Minh Chính
10. Lê Văn Ung
11. Huỳnh Văn Tý

Bí thư

Phó Bí thư

Phó Bí thư

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

# THÔNG BÁO

V/v phân công ủy viên Ban chấp hành

Đảng bộ tỉnh khóa 1996 - 2000

(Căn cứ Thông báo số 26 TB/TU ngày 22-6-1996  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận)

1. Đồng chí Đinh Trung - Bí thư Tỉnh ủy
2. Đồng chí Nguyễn Quang Tường - Phó Bí thư  
Thường trực Tỉnh ủy
3. Đồng chí Đặng Văn Hải - Phó Bí thư  
Chủ tịch UBND tỉnh
4. Đồng chí Phạm Quỳnh Châu - UVTV - Trưởng Ban  
Tổ chức Tỉnh ủy
5. Đồng chí Ngô Minh Chính - UVTV - Trưởng Ban  
Tuyên giáo Tỉnh ủy
6. Đồng chí Lê Văn Ưng - UVTV - Trưởng Ban  
Dân vận Tỉnh ủy
7. Đồng chí Nguyễn Bá Đa - UVTV - Chủ nhiệm  
UBKT Tỉnh ủy
8. Đồng chí Trần Khán - UVTV - Phó Chủ tịch  
UBND tỉnh

- |                                |   |
|--------------------------------|---|
| 9. Đồng chí Nguyễn Thành Tâm   | - UVTV - Chỉ huy trưởng<br>BCH Quân sự tỉnh   |
| 10. Đồng chí Trần Hồng Trinh   | - UVTV - Giám đốc<br>Công an tỉnh             |
| 11. Đồng chí Huỳnh Văn Tý      | - UVTV - Bí thư<br>Thị ủy Phan Thiết          |
| 12. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng   | - TUV-Chánh Văn phòng<br>Tỉnh ủy              |
| 13. Đồng chí Trương Tấn Luận   | - TUV - Trưởng Ban<br>Kinh tế Tỉnh ủy         |
| 14. Đồng chí Lê Minh Thạnh     | - TUV - Phó Chủ nhiệm<br>UBKT Tỉnh ủy         |
| 15. Đồng chí Châu Minh Sơn     | - TUV - Phó Trưởng ban<br>BVCTNB Tỉnh ủy      |
| 16. Đồng chí Châu Văn Thư      | - TUV - Tổng Biên tập<br>Báo Bình Thuận       |
| 17. Đồng chí Trần Thị Thái Hòa | - TUV - Phó trưởng ban<br>Tuyên giáo Tỉnh ủy  |
| 18. Đồng chí Lê Đắc Lâm        | - TUV - Bí thư<br>Tỉnh đoàn                   |
| 19. Đồng chí Lê Thị Ẩn         | - TUV - Chủ tịch Hội<br>Liên hiệp Phụ nữ tỉnh |
| 20. Đồng chí Nguyễn Văn Thiệu  | - TUV - Chủ tịch<br>Hội Nông dân tỉnh         |
| 21. Đồng chí Lê Tú Hoàng       | - TUV - Phó Chủ tịch<br>UBND tỉnh             |

22. Đồng chí Nguyễn Hữu Quý - TUV - Giám đốc  
Sở Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn
23. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng - TUV - Giám đốc  
Sở Xây dựng
24. Đồng chí Phạm Dũng - TUV - Giám đốc  
Sở Kế hoạch và Đầu tư
25. Đồng chí Tăng Việt Cường - TUV - Giám đốc  
Sở Tài chính Vật giá
26. Đồng chí Nguyễn Quang Kiệt - TUV - Giám đốc  
Sở Giáo dục - Đào tạo
27. Đồng chí Bùi Tấn Phúc - TUV - Giám đốc  
Sở Y tế
28. Đồng chí Hồ Dũng Nhật - TUV - Giám đốc  
Sở Thủy sản
29. Đồng chí Trần Thịnh - TUV - Giám đốc  
Sở Thương mại-Du lịch
30. Đồng chí Lâm Quang Hiền - TUV - Giám đốc  
Sở Văn hóa-Thông tin
31. Đồng chí Lê Tiến Phương - TUV - Trưởng Ban  
Tổ chức C. quyền tỉnh
32. Đồng chí Vũ Thị Ngọc Liên - TUV - Chủ tịch  
LĐLĐ tỉnh
33. Đồng chí Mã Điền Cư - TUV - Trưởng Ban  
Dân tộc - Miền núi

34. Đồng chí Giang Hồng Linh - TUV - Viện trưởng  
Viện KSND tỉnh
35. Đồng chí Huỳnh Ngọc Diệp - TUV - Chánh Thanh tra  
Nhà nước tỉnh
36. Đồng chí Trần Xuân Đạt - TUV - Phó CHT về CT  
BCH Quân sự tỉnh
37. Đồng chí Phạm Đình Sơn - TUV - Phó Giám đốc  
Công an tỉnh
38. Đồng chí Phạm Trọng Do - TUV - Bí thư  
Huyện ủy Tuy Phong
39. Đồng chí Đinh Quang Toại - TUV - Bí thư  
Huyện ủy Bắc Bình
40. Đồng chí Lê Đình Liêm - TUV - Bí thư Huyện ủy  
Hàm Thuận Nam
41. Đồng chí Dương Văn Sâm - TUV - Bí thư  
Huyện ủy Hàm Tân
42. Đồng chí Huỳnh Quang Hòa - TUV - Bí thư  
Huyện ủy Tân Linh
43. Đồng chí Ngô Lụa - TUV - Bí thư  
Huyện ủy Phú Quý

**NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU  
TRONG BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA  
TỈNH ỦY BÌNH THUẬN**

*(BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BIÊN SOẠN)*

**DÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII,  
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU  
GIỮA NHIỆM KỲ**

**I - NHỮNG TIẾN BỘ VÀ  
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC :**

1. Kết quả có ý nghĩa quan trọng là tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với nhịp độ cao. Thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 12,04%, trong đó ngành nông lâm nghiệp tăng 6,14%, thủy sản tăng 10,5%, công nghiệp 20,1%, dịch vụ tăng 16,63%.



+ Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, cả trồng trọt và chăn nuôi. Diện tích canh tác, năng suất và sản lượng nhiều loại cây trồng đều tăng. Lương thực năm 1995 đạt 262.000 tấn, vượt 4,84% kế hoạch, bình quân mỗi năm tăng trên 1 vạn tấn. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả như điều, cao su, thanh long tương đối tập trung, kinh tế vườn phát triển khá, hiệu quả rõ rệt. Chăn nuôi tăng bình quân hàng năm 14,25%. Sắp xếp lại các lâm trường chuyển thành đơn vị sự nghiệp. Trồng rừng tập trung đạt kết quả khá. Trong 5 năm trồng hơn 14.000 ha rừng tập trung, tỷ lệ sống trên 85% và 7 triệu cây phân tán, diện tích rừng giao khoán bảo vệ 160.000 ha. Thực hiện tương đối tốt cuộc vận động định canh, định cư, kinh tế xã hội miền núi có chuyển biến.

+ Năng lực khai thác hải sản tăng nhanh, chủ yếu là thuyền có công suất lớn. Năm 1995 tăng 40% về thuyền và 2,1 lần về công suất so với năm 1991. Sản lượng khai thác hàng năm đều đạt kế hoạch, năm 1995 đạt 95.000 tấn, tăng 20.000 tấn so với năm 1991. Diện tích nuôi tôm được mở rộng. Công tác bảo vệ nguồn lợi hải sản được tăng cường.

+ Đầu tư xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp quốc doanh đi vào hoạt động chế biến nông sản, lâm sản, muối, nước khoáng, may mặc, bia hơi, lò nung gạch Tuy nen, trong đó Xí nghiệp Chế biến hạt điều, muối Vĩnh Hảo, nước khoáng kinh doanh có hiệu quả. Một số xí nghiệp đầu tư mở rộng, đổi mới thiết bị,

giữ vững thị trường, sản xuất phát triển. Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển khá.

- Kinh tế đối ngoại bước đầu có chuyển biến, 9 dự án được cấp giấy phép, tổng vốn đầu tư 43 triệu USD, các dự án đang được triển khai. Tiếp nhận viện trợ quốc tế phục vụ các chương trình kinh tế - xã hội mang lại kết quả thiết thực. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm thời kỳ 1991 - 1995 là 25,5%. Thị trường xã hội được mở rộng dần, nhiều tụ điểm thương mại, dịch vụ được hình thành ở các vùng dân cư tập trung, hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Dịch vụ thông tin liên lạc phát triển nhanh. Có 94/110 xã trang bị máy điện thoại, 8/9 huyện, thị xã có tổng đài điện thoại tự động, bảo đảm liên lạc thông suốt, kịp thời. Hoạt động khoa học công nghệ đạt một số kết quả trong việc ứng dụng kỹ thuật sinh học, sử dụng vật liệu mới, đóng vỏ thuyền, thực hiện mô hình nông lâm kết hợp...

- Tổng thu ngân sách Nhà nước bình quân năm sau cao hơn trước 34%, bảo đảm cơ bản nhu cầu chi. Hoạt động ngân hàng có chuyển biến, tăng nhanh nguồn vốn huy động, mở rộng diện cho vay, góp phần xóa đói giảm nghèo. Hình thành một số quỹ tín dụng nhân dân và ngân hàng phục vụ người nghèo.

## **2. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng.**

Tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp trong GDP từ 57,3% năm 1991 giảm xuống 36,5% năm 1995, ngành thủy sản tăng từ 11,9% lên 13%, ngành công nghiệp

xây dựng tăng từ 7,4% lên 20,5%, trong đó riêng ngành xây dựng từ 1,48% tăng lên 7,8%, nhóm ngành dịch vụ tăng từ 23,4% năm 1991 lên 30% năm 1995.

Cơ cấu nội bộ một số ngành kinh tế chủ yếu cũng có sự chuyển đổi tích cực. Trong nông nghiệp, chăn nuôi tăng từ 18,1% năm 1991 lên 22,5% năm 1995. Giá trị nhóm cây công nghiệp, cây ăn quả chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong ngành trồng trọt. Ngành lâm nghiệp tăng tỷ trọng khu vực lâm sinh, ngành thủy sản tăng sản lượng khai thác cá đáy, công nghiệp chế biến tăng tỷ trọng từ 79% lên 84,3% so với toàn ngành công nghiệp. Tỷ trọng kinh tế quốc doanh từ 15,16% năm 1991 lên 23,6% năm 1995.

### **3. Nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội được huy động nhiều hơn cho đầu tư phát triển, cơ cấu đầu tư được điều chỉnh, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng.**

Trong 5 năm 1991 - 1995 tổng vốn đầu tư của toàn xã hội khoảng 1.350 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn tích lũy từ địa phương chiếm 13,5% GDP. Nhiều công trình đang phát huy tác dụng. Diện tích tưới chủ động tăng thêm 7.000 ha. Nhiều tuyến giao thông trọng yếu, đường nội thị được nâng cấp và nhựa hóa, khai thông một số tuyến đường miền núi, nạo vét khơi thông các cửa biển... Lưới điện trung thế, hạ thế phát triển nhanh, nâng số hộ dùng điện lên 44%. Hiện đại hóa một bước thông tin liên lạc. Phát triển trường lớp, bổ sung thiết

bị khám và chữa bệnh, xây dựng công trình văn hóa, mở rộng mạng lưới phát thanh, truyền hình...

#### **4. Chăm lo giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội.**

- Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai tích cực, tỷ lệ giảm sinh hàng năm 0,093%. Hàng năm đã giải quyết 15.000 lao động có việc làm. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ổn định. Thu nhập bình quân đầu người năm 1995 tăng 42% so với năm 1991. Số hộ giàu và khá từ 22,2% năm 1992 tăng lên 26,13% năm 1995, số hộ nghèo giảm từ 32,4% xuống 25,6%. Chính sách đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện được các cấp, các ngành quan tâm hơn.

- Sự nghiệp giáo dục đào tạo có chuyển biến, chất lượng dạy và học nâng dần lên. Mạng lưới trường học được mở rộng. Số học sinh đến lớp hàng năm đều tăng. Phong trào học ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ, lý luận trong cán bộ công nhân viên chức phát triển mạnh.

- Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu đạt kết quả. Mạng lưới y tế được củng cố, nhiều bệnh viện được nâng cấp, xóa xã trắng về cơ sở y tế, khống chế được một số dịch bệnh, tỷ lệ tử vong sốt rét giảm. Hoạt động thể thao thể dục có tiến bộ.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ đúng hướng. Phong trào văn nghệ quần chúng, văn hóa truyền thông được

duy trì thu hút đông đảo người tham gia. Nội dung và chất lượng thông tin của báo, đài từng bước được cải tiến, góp phần phục vụ được các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**5. Quốc phòng và an ninh được giữ vững,** không để xảy ra biến động xấu. Các khu vực phòng thủ, phương án tác chiến, kế hoạch chống "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ được bổ sung, tiến hành diễn tập các cấp đạt yêu cầu. Lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường. Công tác giáo dục tư tưởng, huấn luyện và chăm lo đời sống trong lực lượng vũ trang và công an nhân dân có tiến bộ. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, kiềm chế và xử lý nhiều tội phạm hình sự, kinh tế. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển.

**6. Hệ thống chính trị từng bước được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng lên, dân chủ xã hội tiếp tục mở rộng, phong trào quần chúng trên nhiều lĩnh vực có chuyển biến.**

- Công tác xây dựng Đảng có bước chuyển biến về chính trị, tư tưởng và tổ chức cán bộ. Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước được phổ biến-kịp thời. Việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các cuộc họp mặt truyền thống có tác dụng nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, giáo dục truyền thống cách mạng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên có

phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu XHCN, lòng tin vào công cuộc đổi mới của nhân dân được nâng lên.

- Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy có tiến bộ. Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh tăng lên. Số đảng viên kết nạp trong 5 năm tăng 1,5 lần so nhiệm kỳ trước. Đội ngũ cán bộ có đổi mới theo hướng trẻ hóa, trình độ các mặt được nâng cao. Số đông cán bộ phát huy tác dụng, từng bước trưởng thành. Chính sách cán bộ và công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được quan tâm. Trong 5 năm có trên 9000 lượt cán bộ các cấp được đào tạo, bồi dưỡng. Công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ được chú ý triển khai. Công tác kiểm tra được chú ý hơn. Trong 4 năm đã xử lý các hình thức kỷ luật 467 đảng viên, trong đó khai trừ khỏi Đảng 86 trường hợp.

- Công tác quản lý Nhà nước từng bước được chấn chỉnh và cải tiến. Chất lượng hoạt động và vai trò của HĐND các cấp từng bước được nâng lên, nội dung các kỳ họp có cải tiến, giảm dần tính hình thức. Công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tập trung giải quyết với khối lượng lớn, góp phần phòng ngừa tội phạm, bảo vệ luật pháp. Đấu tranh chống tham nhũng được chỉ đạo thực hiện thường xuyên.

- Mặt trận, đoàn thể và các hội quần chúng được củng cố tổ chức, hình thức hoạt động đa dạng, phong

phú, nội dung đi vào chiều sâu, thiết thực với cuộc sống. Kết quả rõ nét là giải quyết một phần các vấn đề bức xúc : giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, thực hiện chính sách tương trợ, đền ơn đáp nghĩa... Khối đại đoàn kết được củng cố, dân chủ xã hội được mở rộng, nhiều chủ trương chính sách đã được nhân dân tham gia ý kiến, quyền bầu cử, ứng cử của nhân dân được tôn trọng.

## II - NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM,

### YẾU KÉM :

**1. Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp. Quan hệ sản xuất XHCN chậm được củng cố đổi mới.**

- Sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên, cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém. Phân công lao động, phát triển ngành nghề ở nông thôn chưa có chuyển biến, cơ cấu cây trồng chuyển dịch chậm. Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng kém hiệu quả, rừng còn bị tàn phá nghiêm trọng. Ngành thủy sản chưa phát huy được vai trò mũi nhọn, quản lý mua nguyên liệu, chế biến xuất khẩu yếu kém, kinh tế xã hội vùng biển chuyển biến chậm.

- Sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé, công nghiệp chế biến phát triển chậm, công nghệ lạc hậu, chưa

có nhiều sản phẩm tinh chế có chất lượng cao, sức cạnh tranh yếu. Chậm khôi phục sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

- Ngành Du lịch phát triển chậm, thiếu năng động, hiệu quả kinh doanh còn thấp. Thương nghiệp quốc doanh chậm được củng cố, bỏ trống thị trường nông thôn.

- Tài chính, tín dụng mất cân đối, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Thu chi ngân sách thường xuyên căng thẳng. Tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách Nhà nước năm 1995 mới đạt 11,6%, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế cho đầu tư phát triển mới đạt 13,5% so với GDP. Quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, cơ quan thiếu chặt chẽ, sử dụng vốn tùy tiện, gây lãng phí, thất thoát còn nhiều. Quản lý, sử dụng một số nguồn viện trợ, vốn của chương trình quốc gia chưa tập trung, đúng mục đích.

- Kinh tế quốc doanh tuy có sắp xếp, chấn chỉnh nhưng quy mô nhỏ bé, sức cạnh tranh yếu, chất lượng và hiệu quả còn thấp, một số đơn vị thua lỗ kéo dài, chưa thực hiện được vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể trong nông, ngư nghiệp thu hẹp, mô hình hợp tác kiểu cũ không còn phù hợp và không có tác dụng. Buông lỏng và lúng túng trong chỉ đạo đổi mới kinh tế hợp tác. Xuất hiện một số mô hình hợp tác mới có hiệu quả nhưng chưa rút kinh nghiệm kịp thời để nhân rộng.



## **2. Thực trạng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém, làm hạn chế cho sự phát triển.**

Nhiều tuyến đường xung yếu không có khả năng đầu tư, chống xuống cấp ; luồng lạch và các cửa biển bị bồi lấp nặng nề ; nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt còn hạn chế ; nguồn năng lượng thiếu ổn định. Nhiều công trình văn hóa, phúc lợi xã hội xuống cấp chưa được tu bổ, tôn tạo. Một số công trình xây dựng cơ bản không đảm bảo chất lượng, thủ tục chuẩn bị đầu tư vẫn còn chậm.

Hoạt động khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Môi trường ở đô thị bị ô nhiễm nặng, môi trường sinh thái ở nhiều vùng đang bị suy thoái.

## **3. Một số vấn đề xã hội chuyển biến còn chậm.**

Tốc độ phát triển dân số còn cao, lao động không có và không đủ việc làm còn nhiều. Đời sống của một bộ phận dân cư nhất là ở các vùng căn cứ cách mạng, vùng cao, miền núi còn nhiều khó khăn, đặc biệt là gia đình chính sách. Đáng lưu ý là sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngày càng rõ giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

Cơ sở vật chất của ngành giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Sự phát triển về quy mô và chất lượng dạy và học còn chênh lệch khá lớn giữa các vùng. Đáng quan tâm là đạo đức của một bộ phận học sinh giảm

sút. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tuy có cố gắng nhưng chưa đạt chỉ tiêu của Đại hội đề ra. Chậm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên và chấn chỉnh việc dạy tư, dạy thêm. Chất lượng điều trị và trách nhiệm của một số thầy thuốc đối với bệnh nhân chưa cao. Tình trạng lưu hành văn hóa phẩm xấu, lối sống thực dụng, nạn mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác phát triển. Đời sống văn hóa ở cơ sở thấp.

#### **4. Mặt yếu trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh.**

Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức chưa đầy đủ hai nhiệm vụ chiến lược, ý thức cảnh giác chưa cao, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng chưa rõ nét. Công tác tuyển quân đạt chất lượng thấp, đào ngũ còn nhiều.

Trật tự an toàn xã hội có lúc còn diễn biến phức tạp, tội phạm không giảm, công tác đấu tranh phòng ngừa chưa tốt. Lực lượng công an xã, phường còn thiếu và yếu.

#### **5. Công tác xây dựng Đảng chưa theo kịp yêu cầu mới.**

- Công tác tư tưởng chưa làm tốt việc dự báo và nắm chắc diễn biến tình hình tư tưởng để chủ động và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Một số tổ chức cơ sở Đảng không kiên quyết đấu tranh chấn chỉnh kỷ luật phát ngôn. Vấn đề tư tưởng nổi lên hiện nay là một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân

dân bản khoán trước tác động tiêu cực của cơ chế thi trường, tham nhũng, tệ nạn xã hội, phân hóa giàu nghèo, về kỹ cương phép nước chưa nghiêm, về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

- Năng lực lãnh đạo của nhiều cấp ủy Đảng chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Còn 12% tổ chức cơ sở Đảng chưa thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo, tính chiến đấu và giáo dục, thuyết phục hạn chế. Một bộ phận đảng viên có biểu hiện tránh né đấu tranh. Một số cấp ủy vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, không sát với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quản lý đảng viên thiếu chặt chẽ. Công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ còn là khâu yếu. Phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy Đảng, ban cán sự và đảng đoàn chậm cải tiến, còn lúng túng. Xử lý một số cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, pháp luật chưa kịp thời. Chưa chú ý kiểm tra thực hiện Nghị quyết và quy chế làm việc của cấp ủy.

- Phong trào quần chúng, hoạt động của đoàn thể ở cơ sở chuyển biến chưa đều. Tổ chức biên chế, điều kiện làm việc của các đoàn thể ở cơ sở còn nhiều khó khăn. Một số cấp ủy và chính quyền chưa coi trọng đúng mức công tác quần chúng, chưa phát huy và còn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

## **6. Quản lý Nhà nước nhiều mặt còn yếu kém.**

Quản lý môi trường và các loại tài nguyên lỏng lẻo, tình trạng mua bán, cấp đất tùy tiện chậm được

khắc phục, tranh chấp ruộng đất còn để kéo dài ở một số ít xã, cấp quyền sử dụng ruộng đất còn chậm. Quản lý vốn và tài sản công chưa chặt chẽ, sử dụng còn lãng phí và thất thoát lớn. Quản lý Nhà nước đối với các thành phần kinh tế chưa tốt, chậm phát hiện và củng cố một số doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, để thành phần kinh tế ngoài quốc doanh trốn thuế còn nhiều. Quản lý đô thị, văn hóa xã hội và trật tự trị an chưa tốt. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, nhất là về thủ tục hành chính còn chậm. Đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực chưa thật kiên quyết và kịp thời. Sự phối hợp các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa chặt chẽ, một số trường hợp truy tố, miễn tố, đình chỉ thiếu khách quan, xét xử chưa nghiêm minh. Một số ít cán bộ và nhân dân có khuynh hướng dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vu cáo, chưa kiên quyết ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Hội đồng Nhân dân chưa phát huy tốt chức năng giám sát đối với cơ quan nhà nước trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, luật pháp, giám sát việc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực.

\*

\* \*

**Đánh giá chung :** Bốn năm qua, đảng bộ các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đạt kết quả tương đối toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ, thực hiện đạt

và vượt các mục tiêu chủ yếu của Đại hội đề ra, tạo thêm thế và lực mới, điều kiện thuận lợi cho thời kỳ phát triển tiếp theo.

Kết quả rõ nét là kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng thêm. Nhiều vấn đề xã hội được giải quyết tốt hơn. Bộ mặt xã hội tiếp tục đổi mới. Đời sống nhân dân nhìn chung được ổn định, số đông có cải thiện. Quốc phòng, an ninh chính trị được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể có tiến bộ. Dân chủ xã hội được mở rộng, niềm tin vào Đảng và công cuộc đổi mới được nâng lên.

Nguyên nhân của những kết quả, tiến bộ nêu trên bắt nguồn từ đường lối đổi mới đúng đắn, vận dụng cụ thể phù hợp với điều kiện của tỉnh ta, được nhân dân hưởng ứng, tin tưởng và ra sức thực hiện với tinh thần sáng tạo. Nhờ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành. Nhờ kế thừa, phát huy thành quả và kinh nghiệm của những năm trước, đồng thời có sự chỉ đạo và giúp đỡ có hiệu quả của Trung ương.

Tuy nhiên, thực trạng kinh tế xã hội còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, trình độ sản xuất lạc hậu, tích lũy nội bộ còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng, vẫn còn là một tỉnh nghèo. Một số vấn đề xã hội chuyển biến chậm.

*Nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém có phần khách quan do điểm xuất phát của tỉnh ta thấp, cơ sở hạ tầng thấp kém. Nhưng chủ yếu và trước hết do là năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ và diễn biến của tình hình. Hiệu lực quản lý, điều hành chưa cao, trật tự kỷ cương bị buông lỏng, tình trạng phân tán, cục bộ, chấp hành không nghiêm gây cản trở cho sự phát triển. Trình độ, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ còn yếu, thiếu đồng bộ.*

**Từ thực tiễn trong quá trình chỉ đạo, điều hành rút ra 5 kinh nghiệm :**

1. Phải nhận thức, quán triệt đường lối và chủ trương của Trung ương một cách đầy đủ và nhất quán, tạo sự nhất trí cao trong nội bộ, trước hết là trong cấp ủy. Vận dụng, cụ thể hóa vào điều kiện của địa phương, đề ra nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp và quyết tâm tổ chức thực hiện.

2. Luôn luôn thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân, chăm lo lợi ích của quần chúng, phát huy dân chủ, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của dân, dựa vào dân để tạo ra phong trào và động lực cách mạng.

3. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ đi đôi với phát huy đúng mức vai trò tham mưu, tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm. Bám sát cơ sở và công việc, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vấn

đề phát sinh. Coi trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, phát hiện và kịp thời nhân rộng các điển hình tốt.

4. Coi công tác xây dựng Đảng là khâu then chốt, trong đó, cán bộ là nhân tố quyết định. Cần tạo cho được một đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm đảm đương được nhiệm vụ.

5. Đi đôi với phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tập trung khai thác nguồn lực bên trong, đồng thời hết sức coi trọng nguồn lực bên ngoài, tranh thủ sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương.

# **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU 5 NĂM 1996 - 2000**

## **I - QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU :**

### **1. Quan điểm :**

+ Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, giữ vững sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng. Phát huy ý chí tự lực tự cường, độc lập tự chủ, đẩy lùi nguy cơ, nắm bắt thời cơ. Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đi vào chiều sâu, chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000.

Coi trọng khai thác nguồn lực bên trong, đi đôi với xây dựng hệ thống kinh tế mở, gắn với thị trường khu vực kinh tế trọng điểm, mở rộng hợp tác liên doanh với trong và ngoài nước, tranh thủ sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương.

+ Nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh tế ở ngành, các lĩnh vực và trong từng cơ sở kinh tế, đi đôi với thực hành tiết kiệm. Lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản lựa chọn phương án phát triển và đầu tư, hiệu quả kinh tế gắn với hiệu quả chính trị - xã hội.



+ Gắn tăng cường kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Coi trọng và phát huy nhân tố con người. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Coi trọng đầu tư phát triển các vùng trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, khắc phục sự chênh lệch quá xa giữa các vùng, các địa phương.

## 2. Mục tiêu :

*Mục tiêu tổng quát đến năm 2000 : Tập trung phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao hơn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải tiến cơ cấu sản xuất lạc hậu, từng bước khắc phục các yếu tố thiếu vững chắc, nâng cao tích lũy từ nội bộ của nền kinh tế, tạo sự chuyển biến tốt hơn các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, giữ vững kỷ cương, tạo tiền đề phát triển vững chắc thời kỳ sau năm 2000.*

+ Tổng sản phẩm nội tỉnh tăng bình quân hàng năm 15%, ngành nông lâm ngư nghiệp tăng 6 - 7%, công nghiệp 25%, dịch vụ 18 - 20%. Đến năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu đôla, sản lượng lương thực 350.000 tấn, tỷ lệ huy động vào ngân sách 15 - 16% so với GDP.

+ Bài trừ các tệ nạn xã hội, đẩy lùi tiêu cực, lãng phí tham nhũng ; ngăn chặn tình trạng giảm sút về

đạo đức xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, giáo dục, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Đạt tỷ lệ giảm sinh hàng năm 0,1%, bình quân mỗi năm có 20.000 lao động tìm được việc làm ổn định. Không còn tình trạng đói, giảm đáng kể hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người năm 2000 tăng khoảng 2 lần so với năm 1995.

+ Tăng cường ổn định chính trị, giữ vững định hướng XHCN. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra đột biến xấu.

+ Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đáp ứng được yêu cầu mới. Hoàn thiện một bước bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu lực điều hành. Mở rộng dân chủ, đề cao pháp luật, giữ vững kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội và trong nội bộ Đảng.

## **II - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU.**

**1. Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

a) Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phát triển toàn diện nông, ngư, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ du lịch theo hướng

tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ để chuyển dần sang cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp sau năm 2000.

Cơ cấu kinh tế năm 2000 (tính theo GDP)

	1995	2000	2010
<b>Tổng số %</b>	100	100	100
Trong đó :			
+ Nông lâm thủy sản	49,5	34	15
Riêng thủy sản	13	11	7
+ CN-XD	20,5	30	40
+ Dịch vụ	30	36	45

b) Phát triển nông nghiệp toàn diện, áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Năm 2000, phấn đấu đạt 350.000 tấn lương thực. Quy hoạch các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, cây ăn quả, tập trung chủ yếu cây cao su, điều, mía, dâu tằm, bông. Năm 2000 cây công nghiệp chiếm 30% GDP của ngành trồng trọt.

Phát triển chăn nuôi thành ngành sản xuất quan trọng, năm 2000 chiếm tỷ trọng 28%. củng cố các tổ chức dịch vụ nông nghiệp, làm tốt dịch vụ hai đầu và chuyển giao công nghệ mới.

Hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất vào cuối năm 1997. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới : Phát triển giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, nước sinh hoạt ; mở rộng và nâng cấp cơ sở y tế, văn hóa, trường học.

Tập trung quản lý, bảo vệ, chăm sóc, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Quy hoạch một số vùng trồng rừng nguyên liệu giấy. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng. Thực hiện xã hội hóa nghề rừng, làm tốt công tác định canh định cư. Hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng.

c) Ngành thủy sản coi trọng cả 4 khâu : khai thác, nuôi trồng, chế biến và bảo vệ nguồn lợi gắn với bảo vệ an ninh vùng biển. Phát triển nhanh các loại tàu có công suất lớn, chuyển mạnh ra khai thác ở ngư trường xa khơi, khai thác vùng biển Trường Sa. Bình quân mỗi năm khai thác 110.000 tấn, năm 2000 đạt sản lượng 115.000 tấn hải sản các loại.

Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ các cụm kinh tế biển gắn với giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội vùng biển, xây dựng Phú Quý trở thành một cụm kinh tế biển quan trọng gắn với chiến lược phòng thủ biển Đông.

d) Xúc tiến quy hoạch cụ thể 3 khu công nghiệp : Phan Thiết, Hàm Tân và Tuy Phong để có kế hoạch thu hút vốn đầu tư bên ngoài. Phát triển mạnh công nghiệp khai khoáng, vật liệu xây dựng. Nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ các cơ sở chế biến thủy sản

hiện có, phát triển mới cơ sở chế biến xuất khẩu ở Phan Thiết và Phú Quý. Có chính sách phù hợp thu hút 65 - 70% nguyên liệu đưa vào chế biến. Khôi phục các nghề chế biến truyền thống, sản phẩm tiêu thụ nội địa.

Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất đồ gỗ các loại tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phục hồi và phát triển nghề thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Sớm hoàn thành xây dựng Nhà máy đường, mở rộng công suất chế biến hạt điều, phát triển chế biến cao su, mầu xuất khẩu. Đầu tư phát triển : nước suối, muối, tinh chế cát đen, đá các loại, xây dựng thêm lò gạch tuynel... Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công nghiệp dược, tạo ra một số mặt hàng chủ lực có khả năng chi phối được thị trường.

Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn mới. Đầu tư phát triển lưới điện. Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sinh học để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Khuyến khích và giúp đỡ nông dân lập các tổ hợp tác, đội cơ giới nhỏ làm nòng cốt thực hiện các khâu trong quá trình cơ giới hóa nông nghiệp.

2. Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, mở rộng liên doanh, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ, chấn chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu. Phấn đấu đạt tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 220 triệu USD, năm 2000 đạt 85 triệu USD.

Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, hợp tác, liên doanh với nước ngoài đầu tư phát triển nhanh ngành du lịch với nhiều loại hình kinh doanh thích hợp, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tích lũy ngân sách. Đổi mới tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng kinh doanh du lịch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường ổn định, an toàn thu hút vốn đầu tư kinh doanh du lịch.

Mở rộng thị trường xã hội, mua bán, giao lưu hàng hóa thông suốt giữa các vùng trong tỉnh, gắn với thị trường khu vực và cả nước. Sắp xếp, củng cố nâng cao hiệu quả thương nghiệp quốc doanh theo hướng chuyên doanh kết hợp với kinh doanh tổng hợp. Phát triển đa dạng các loại dịch vụ quảng cáo, tư vấn, bảo hiểm, vận tải, thông tin, khoa học công nghệ.

## **2. Tài chính - Tín dụng.**

Mở rộng, bồi dưỡng nguồn thu, tạo nguồn thu lớn và ổn định. Quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh, thu đúng, thu đủ các loại thuế và phí vào ngân sách nhà nước.

Thường xuyên thanh tra tài chính, chấn chỉnh việc phân phối lợi nhuận phù hợp với hiệu quả kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng mọi nguồn vốn tại địa phương. Đổi mới quan điểm cân đối và công tác điều hành ngân sách theo hướng tiết kiệm tiêu dùng, tăng tích lũy cho

đầu tư phát triển, cân bằng thu chi thường xuyên, đi đôi với xây dựng quỹ dự phòng.

Mở rộng hoạt động tín dụng ngân hàng. Làm tốt công tác quản lý lưu thông tiền tệ. Mở rộng quỹ tín dụng nhân dân, tăng cường hoạt động của ngân hàng phục vụ người nghèo, thực hiện cho vay đúng đối tượng.

### 3. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Huy động nhiều nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Hàng năm dành ít nhất 35% chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa các công trình thủy lợi để phát huy hết công suất. Khai thác đồng bộ công trình thủy lợi Sông Quao, hoàn thành hồ Cà Giây, đập Ba Bàu, hồ Đá Bạc, chuẩn bị khởi công hồ Sông Lòng Sông, đập Tà Pao, hồ Sông Dinh, chuẩn bị đầu tư hồ Sông Lũy. Nâng diện tích được chủ động nước gấp hai lần hiện nay. Tranh thủ nhiều nguồn vốn đầu tư giải quyết nước máy cho các huyện lỵ, nước sạch ở nông thôn. Đến năm 2000 nâng tỷ lệ hộ dùng nước sạch lên 80%.

Hoàn thành xây dựng cảng cá Phan Thiết, Phan Rí, Lagi, cảng Phú Quý. Nâng cấp các trục đường liên huyện. Đầu tư nâng cấp mở rộng các trạm nguồn điện ở Phan Thiết, Phan Rí, Hàm Tân... Năm 2000 có trên 85% số xã có điện lưới, 80% số hộ dùng điện, số máy điện thoại tăng 4 lần so với năm 1995, hầu hết các xã đều có điện thoại.

Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học, nâng cấp bệnh viện, các cơ sở văn hóa, thể thao, phúc lợi khác. Chú ý đầu tư vùng dân tộc thiểu số, vùng còn nhiều khó khăn. Làm tốt quy hoạch khu dân cư bảo đảm nhu cầu đất ở của nhân dân, quy hoạch phát triển xã, xây dựng nông thôn, quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng.

#### **4. Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các hình thức sở hữu để giải phóng năng lực sản xuất, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế.**

Chăm lo củng cố, xây dựng khu vực kinh tế nhà nước, từng bước vươn lên giữ vai trò chủ đạo đối với các lĩnh vực then chốt. Kiên quyết giải thể, chuyển hình thức sở hữu những đơn vị thua lỗ, không có khả năng phục hồi. Chấn chỉnh hoạt động của các đơn vị kinh doanh chuyên ngành (năng lượng, bưu điện, cấp nước, ngân hàng, bảo hiểm...).

Đa dạng hóa các hình thức hợp tác kinh doanh nhiều ngành nghề và nhiều lĩnh vực. Khuyến khích và giúp đỡ thành lập hợp tác xã cổ phần trong nghề cá, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, vận tải. Trong nông nghiệp, củng cố các hợp tác xã chuyển hướng hoạt động có hiệu quả, phát triển các mô hình hợp tác có hiệu quả kinh doanh dịch vụ, ngành nghề ở nông thôn.

Phát triển rộng rãi kinh tế cá thể, tư nhân, tiểu chủ trên nhiều lĩnh vực theo định hướng XHCN. Từng



bước phát triển hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân ở những lĩnh vực pháp luật không cấm.

### **5. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.**

Quản lý nhà nước về kinh tế chủ yếu bằng pháp luật, chính sách, kế hoạch và các công cụ đòn bẩy, bảo đảm mở rộng quyền tự chủ, năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện sự phối hợp chặt chẽ, phân công, phân cấp quản lý giữa ngành và các huyện, thị xã.

Thực hiện việc kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý tổng hợp đối với hoạt động các doanh nghiệp, tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước của các ngành tham mưu, chú ý các đơn vị liên doanh với nước ngoài. Thực hiện chủ trương chuyển quyền sử dụng đất lấy vốn hoặc cơ sở hạ tầng.

Nâng cao chất lượng kế hoạch, mở rộng phạm vi kế hoạch hóa đến các thành phần kinh tế. Coi trọng việc cung cấp thông tin, công tác dự đoán, dự báo. Tăng cường hơn nữa kế hoạch hóa các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, môi trường và cải thiện điều kiện xã hội. Đảm bảo kế hoạch đầu tư sử dụng nguồn vốn của nhà nước, kế hoạch ngân sách bằng các chỉ tiêu pháp lệnh, tăng tỷ lệ đầu tư trong cân đối ngân sách, mở rộng nguồn đầu tư bằng vốn tín dụng cho các doanh nghiệp.

## **6. Dân số, việc làm, đời sống và chính sách xã hội.**

Phát triển sâu rộng mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến hầu khắp vùng, đẩy mạnh công tác truyền thông dân số. Thực hành tiết kiệm để đầu tư phát triển, mở mang ngành nghề thu hút lao động. Đa dạng hóa các hình thức, tổ chức dạy nghề gắn với tự tạo việc làm trong các thành phần kinh tế ở nông thôn chú ý khai thác các vùng đất trống để trồng rừng, cây công nghiệp dài ngày, phát triển chăn nuôi, kinh tế vườn. Năm 2000 mức thu nhập bình quân đầu người khoảng gấp 2 lần so với năm 1995, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10%.

Động viên toàn xã hội đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, quỹ nhân đạo, quỹ bảo trợ xã hội... để thực hiện chính sách xã hội.

## **7. Giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ.**

- Phát triển giáo dục đào tạo trên cả 3 mặt : mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, loại trường học.

Tăng mức đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục. Tăng tỷ lệ huy động trẻ em vào mẫu giáo, nhà trẻ, thu hút 95% trẻ em đến tuổi vào học lớp một. Đến năm 2000 phần lớn trẻ em 5 tuổi được học Chương trình giáo dục mầm non. Hoàn

thành phố cấp tiểu học, xóa mù chữ trước năm 2000, cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở cho thanh niên thị xã và các thị trấn huyện, lỵ. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy, coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, giáo dục quốc phòng, luật pháp và thể chất cho học sinh.

- Phương hướng hoạt động của khoa học và công nghệ là gắn nghiên cứu với ứng dụng triển khai các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới, trong đó ứng dụng triển khai là chủ yếu, làm cho khoa học và công nghệ từng bước trở thành lực lượng sản xuất mạnh mẽ, góp phần tích cực nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung các chương trình : công nghệ sinh học, vật liệu mới và công nghệ thông tin. Có chế độ đãi ngộ ưu đãi đối với tổ chức và cá nhân có cống hiến, sáng kiến khoa học có giá trị.

**8. Phát triển văn hóa nghệ thuật hướng vào xây dựng, bồi dưỡng lòng tự hào và tinh thần dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống cách mạng, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thời đại.**

Đẩy mạnh phong trào văn hóa - văn nghệ quần chúng, đưa văn hóa nghệ thuật về cơ sở, phục vụ các vùng sâu, vùng xa, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan. Đến năm 2000 phủ sóng phát thanh trên 90% và phủ sóng truyền hình cho 80% hộ gia đình.

Khuyến khích sáng tạo văn học nghệ thuật theo hướng đề cao tinh thần dân tộc, ý chí tự lực tự cường, phê phán lối sống thực dụng, buông thả, tâm lý sùng ngoại, quan điểm lệch lạc. Quản lý chặt chẽ việc phát hành, xuất bản, in ấn, lưu hành, sử dụng các loại văn hóa phẩm. Bài trừ các tệ nạn xã hội, sản phẩm văn hóa độc hại, phản thuần phong mỹ tục.

### **9. Chăm lo phát triển sự nghiệp y tế, thể dục thể thao.**

Phát triển y học dự phòng, giáo dục phổ biến rộng rãi kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe ban đầu, làm tốt công tác vệ sinh môi trường. Đến năm 2000 phấn đấu giảm trẻ em suy dinh dưỡng dưới 30%, tích cực ngăn chặn bệnh AIDS.

Nâng cao chất lượng khám và điều trị, kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại. Đến năm 2000 có 40% cơ sở y tế xã, phường có bác sĩ phụ trách, có đủ nữ hộ sinh cho các xã miền núi.

Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao. Chú trọng đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên, bồi dưỡng hình thành lực lượng vận động viên trẻ tham gia nhiều bộ môn thể thao trong phong trào chung cả nước.

### **10. Quốc phòng và an ninh.**

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh. Nâng cao cảnh giác sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp. Tăng cường sự

lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Phát triển và củng cố lực lượng dân quân tự vệ. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, luật nghĩa vụ quân sự.

Xây dựng vững chắc thể trận an ninh nhân dân, bảo đảm sự ổn định chính trị, không để xảy ra đột biến xấu, giữ vững an ninh, làm chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Xây dựng lực lượng công an thực sự trong sạch vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

#### **11. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc.**

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể tập trung vào việc phát huy vai trò làm chủ, động viên mọi tiềm lực cách mạng sáng tạo của các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, góp phần tích cực xây dựng Đảng, tham gia quản lý nhà nước.

Chăm lo xây dựng giai cấp công nhân phát triển số lượng, nâng cao về chất lượng, thực hiện được vai trò làm nòng cốt củng cố khối liên minh công nông, trí thức. Các cấp ủy Đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác quần chúng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Cơ quan nhà nước cải tiến tiếp xúc với cử tri, tạo điều kiện để nhân dân phản ánh ý kiến nguyện vọng, tham gia đánh giá hoạt động

của đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, bảo đảm quyền của dân giám sát hoạt động của nhà nước.

## **12. Xây dựng Nhà nước vững mạnh của dân, do dân và vì dân.**

- Tăng cường công tác giám sát của HĐND, trước hết là phát huy vai trò giám sát của Thường trực, các Ban và Đoàn đại biểu HĐND. Tiếp tục cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND theo hướng thiết thực.

- Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đặc biệt là quản lý nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế, văn hóa - xã hội, quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường. Cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng kiện toàn đội ngũ cán bộ.

- Cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án theo hướng xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, phạm vi và thẩm quyền của từng cơ quan, cơ chế phối hợp và chế ước lẫn nhau...

Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực. Vận động quần chúng phát hiện và đấu tranh ngăn chặn từ cơ sở. Tổ chức cơ sở Đảng chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ trọng điểm, làm đến đâu kết luận và công khai đến đó, tạo niềm tin trong quần chúng.

### III - XÂY DỰNG ĐẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỜI KỲ MỚI.

#### 1. Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng.

Nghiên cứu, học tập làm thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; tổ chức quán triệt các nghị quyết của Đảng để tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí, xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định mục tiêu XHCN, động viên toàn dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ 5 năm 1996 - 2000. Công tác tư tưởng, giáo dục chính trị góp phần xây dựng đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch lành mạnh, giữ vững bản chất giai cấp công nhân trong điều kiện kinh tế thị trường ; phê phán lối sống sa đọa, chạy theo đồng tiền.

Chủ động kịp thời nắm bắt và xử lý tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, từng tổ chức cơ sở Đảng phải thường xuyên lãnh đạo công tác tư tưởng gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Từng cán bộ đảng viên cũng phải làm công tác tư tưởng cho chính bản thân mình, ra sức bồi dưỡng quan điểm lập trường vững vàng, xây dựng tư tưởng đổi mới nhưng phải bảo đảm nguyên tắc, luật pháp.

## **2. Kiện toàn cơ quan lãnh đạo, chấn chỉnh tổ chức cơ sở Đảng.**

Thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt chú ý củng cố cấp ủy cơ sở xã, phường và các doanh nghiệp. Kiện toàn các ban của cấp ủy, bố trí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên giỏi và chuyên sâu, đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy.

Các cơ sở đảng đều phải xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của mình. Cấp ủy cơ sở tăng cường quản lý đảng viên. Thực sự phát huy dân chủ nội bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tăng cường kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phấn đấu đến năm 2000 có 70% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Bình quân hàng năm phát triển 500 đảng viên mới.

## **3. Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ.**

Trong những năm tới, phấn đấu xây dựng được đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ, đồng thời tạo ra sự chuyển biến trên 3 mặt phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ. Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ. Quan tâm đào tạo cán bộ dân tộc ít người, cán bộ cho miền núi, hải đảo, cán bộ nữ. Xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức



danh cán bộ, từng loại công chức, viên chức ở các cấp, các ngành. Hoàn chỉnh và thực hiện tốt việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

#### **4. Làm trong sạch Đảng, rèn luyện phẩm chất cách mạng của đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong Đảng.**

Đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, giảm sút ý chí chiến đấu, lợi dụng chức quyền, tham nhũng, ức hiếp quần chúng, xa hoa, lãng phí, sống thực dụng, cơ hội, phát ngôn vô tổ chức, vô kỷ luật. Khắc phục tình trạng sa sút về phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Bồi dưỡng tính trung thực, trung thành với Đảng. Kiểm tra và xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên làm giàu bất chính. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất về chính trị và đạo đức.

#### **5. Thường xuyên coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.**

Trong tình hình hiện nay, phải coi trọng đặc biệt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, trước hết là bảo vệ quan điểm, đường lối, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Kiên quyết không để những phần tử cơ hội về chính trị, phản động lọt vào hàng ngũ của Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống âm mưu thủ đoạn mua chuộc làm hư hỏng thoái hóa cán bộ. Kiện toàn Ban bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy.

## **6. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng theo kịp yêu cầu của giai đoạn mới.**

Các cấp ủy Đảng, các ban cán sự Đảng, Đảng Đoàn tiếp tục hoàn thiện quy chế làm việc, đưa hoạt động của mỗi tổ chức Đảng vào nền nếp. Cải tiến sự phân công nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên, phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm, năng lực, sở trường của từng cấp ủy viên đối với sự lãnh đạo của tập thể cấp ủy.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, bảo đảm sự lãnh đạo xuyên suốt toàn diện của Đảng đối với cơ quan nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật, lực lượng vũ trang, đồng thời phát huy mạnh mẽ hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền.

Cán bộ lãnh đạo các cấp phải dành thời gian đi cơ sở. Thực hiện thường xuyên nghiêm túc chế độ kiểm tra chấp hành điều lệ Đảng, thực hiện Nghị quyết của cấp trên và cấp mình, kiểm tra tư cách đảng viên.

## **BÁO CÁO**

### **GIẢI TRÌNH MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU QUA THẢO LUẬN Ở CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU**

Để giúp cho Đại hội có cơ sở xem xét tiếp tục thảo luận và biểu quyết những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đoàn chủ tịch Đại hội xin giải trình một số vấn đề cụ thể như sau :

#### **1. Về những tiến bộ và kết quả đạt được :**

Có một số ý kiến không nhất trí với đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục với *nhịp độ cao*. Cho rằng đánh giá như vậy là chủ quan, chưa sát với thực tế kinh tế địa phương còn nhiều yếu kém, mâu thuẫn với thực trạng vẫn còn là một tỉnh nghèo, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

Cũng có ý kiến cho rằng đánh giá sản xuất *nông nghiệp phát triển toàn diện* là mâu thuẫn với nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Đoàn chủ tịch xin giải trình như sau :

Căn cứ vào đâu để đánh giá nền kinh tế tăng trưởng với *nhịp độ cao*. Trước hết, căn cứ vào thực tế phát triển của từng ngành, tính theo GDP, GDP của từng ngành căn cứ từng sản phẩm cụ thể, đây là phương

pháp và kết quả tính toán của ngành thống kê đã công bố chính thức.

Vậy kinh tế tăng trưởng bao nhiêu phần trăm gọi là cao. Vấn đề này, một mặt phải xem xét quá trình phát triển kinh tế của tỉnh ta trong các thời kỳ trước, 5 năm 1986 - 1990 GDP chỉ tăng bình quân 4,9%. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 8 đề ra mức tăng trưởng GDP từ 6 - 7%, Hội nghị Đại biểu giữa nhiệm kỳ điều chỉnh lên 8,5%. Mặt khác, cũng cần xem xét tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước, bình quân trong 5 năm năm 1991 - 1995 tăng 8,2% - ngang với tốc độ tăng trưởng của một số nước trong khu vực được gọi là phát triển cao ; trong khi đó tốc độ phát triển kinh tế của thế giới chỉ đạt khoảng 3% mỗi năm.

Từ sự phân tích và so sánh như trên, nền kinh tế có mức tăng trưởng GDP bình quân trên 10%/năm được xếp vào loại có tốc độ tăng trưởng cao. Ở tỉnh ta, bình quân tăng 12,04%, vượt xa so với chỉ tiêu Đại hội đề ra và so với mức tăng bình quân cả nước. Với tốc độ tăng đó, được đánh giá tăng trưởng cao là hoàn toàn có căn cứ.

Nói kinh tế tăng trưởng với nhịp độ cao, nhưng đời sống nhân dân còn thấp, thực trạng vẫn là một tỉnh nghèo, như vậy có mâu thuẫn không.

Điều dễ nhận thấy là tỉnh ta vốn nghèo, điểm xuất phát đi lên của tỉnh ta thấp so với mức trung bình của khu vực và cả nước. Trong các nhiệm kỳ trước đây, tuy có nhiều cố gắng, nhưng tốc độ tăng trưởng

kinh tế còn thấp, chỉ từ năm 1991 trở lại đây tốc độ phát triển tăng lên đáng kể. Dù tốc độ phát triển kinh tế ở mức cao, nhưng mới chỉ trong một giai đoạn 4 năm, trong khi đó tốc độ tăng dân số của tỉnh ta cũng khá cao. Do đó chưa thể khắc phục được tình trạng là một tỉnh nghèo, với điểm xuất phát rất thấp. Và trong 5 năm 1996 - 2000, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 15%, GDP đến năm 2000 tăng gấp đôi năm 1995, tăng như vậy nhưng đến năm 2000 tỉnh ta vẫn chưa thoát khỏi là một tỉnh nghèo. Vì GDP bình quân đầu người chưa đến 400 USD/năm.

Với cách phân tích và so sánh như trên, Đoàn chủ tịch cho rằng đánh giá như báo cáo chính trị là không mâu thuẫn.

Báo cáo chính trị đánh giá sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện là phù hợp với thực tế và cũng không mâu thuẫn với đánh giá nông nghiệp còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên. Bởi vì : trong nông nghiệp có hai ngành trồng trọt và chăn nuôi, những năm qua thực tế nhiều loại cây trồng từ nhóm cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp dài và ngắn ngày, kinh tế vườn đều phát triển, phát triển cả về diện tích ; năng suất và sản lượng đều tăng (xem bảng thống kê thì rõ), trong chăn nuôi đàn gia súc có sừng, đàn heo, đàn gia cầm đều phát triển, phát triển với tốc độ 14,25%. Rõ ràng, đánh giá như vậy là hoàn toàn có cơ sở.

Sản xuất nông nghiệp phát triển là do nhiều yếu tố cấu thành. Qua phân tích cho thấy trong đó yếu

tố quan trọng là do cơ chế kinh tế mới, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các dịch vụ khuyến nông, vấn đề đầu tư thủy lợi, hỗ trợ của Nhà nước v.v... mặc dù diện tích được tưới chủ động ở tỉnh ta mới có 16% so với tổng diện tích canh tác nông nghiệp, nhưng nông nghiệp vẫn phát triển toàn diện, vì yếu tố thủy lợi là quan trọng, chứ không phải là yếu tố duy nhất. Đương nhiên nếu diện tích được tưới chủ động nhiều hơn thì sự phát triển nông nghiệp ở tỉnh ta sẽ còn cao hơn và toàn diện hơn nữa.

## **2. Về những khuyết điểm, yếu kém :**

Một số ý kiến không nhất trí hoặc bổ sung một số vấn đề ở từng khuyết điểm, yếu kém. Cụ thể là :

- Không nhất trí với đánh giá trong báo cáo chính trị "kinh tế xã hội vùng biển chuyển biến chậm" - chỉ thừa nhận mặt xã hội, còn kinh tế thì không.

Trong thực tế ở một số vùng, mặt kinh tế có chuyển biến khá hơn, rõ hơn về mặt xã hội, nhưng trên phạm vi toàn tỉnh, đánh giá phải căn cứ bình diện chung của nhiều vùng kinh tế biển. Nếu so sánh với các vùng đồng bằng, rõ ràng bộ mặt kinh tế vùng biển chuyển biến chậm hơn - chậm hơn về phát triển cơ sở hạ tầng, về chuyển đổi tập quán sản xuất, về các hoạt động dịch vụ, về thu nhập và mức cải thiện đời sống dân cư. Nếu so với mức tăng trưởng GDP của ngành thủy sản 10,5% thì sự chuyển biến về kinh tế xã hội ở vùng biển chưa tương xứng.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung vào mục đánh giá quốc phòng an ninh, khuyết điểm : "Chưa chú trọng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân".

Đoàn chủ tịch cho rằng ý kiến trên là chưa phù hợp. Trên lĩnh vực quốc phòng an ninh ngoài những yếu kém trong báo cáo đã nêu, Đoàn chủ tịch đề nghị tiếp thu thêm khuyết điểm là chưa chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ. Thực tế trong những năm qua cả về thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân từng bước được củng cố : Bộ đội Thường trực thường xuyên huấn luyện, tổ chức diễn tập kế hoạch chống diễn biến hòa bình đạt kết quả, lực lượng dân quân tự vệ tăng cường cả về số và chất lượng, có chú ý quản lý quân dự bị động viên. Qua tổng kết 5 năm khẳng định phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có phát triển. Lực lượng công an nhân dân về cơ bản làm nòng cốt trong đấu tranh ngăn chặn, kiềm chế xử lý nhiều tội phạm, liên tục tổ chức các đợt thi đua tạo phong trào rộng lớn thực hiện các chủ trương về phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, không để xảy ra đột biến xấu.

- Có ý kiến đề nghị bổ sung nhận định : Trong Đảng lưu hành những tài liệu sai trái, bắt đầu có xu hướng dân chủ cực đoan, cơ hội, đa nguyên... Công tác bảo vệ chính trị nội bộ bị buông lỏng, ở các cơ quan đầu não việc tuyển chọn nhân viên thiếu thận trọng.

Đoàn chủ tịch cho rằng đánh giá : "Trong Đảng lưu hành những tài liệu sai trái" là chưa rõ, vì nói như vậy có thể hiểu rằng trong Đảng có chỉ đạo, tổ chức hoặc thừa nhận việc lưu hành tài liệu sai trái. Đúng là việc quản lý tài liệu của ta vừa qua còn sơ hở để cho một số cán bộ đảng viên khai thác và lưu hành một số tài liệu không đúng nguyên tắc. Vấn đề này cần rút kinh nghiệm để chấn chỉnh.

Vấn đề đa nguyên trong Đảng có không ? Nói đa nguyên chung chung là không rõ, hiểu thế nào cho đúng : Theo khái niệm chúng ta thường hiểu nói đa nguyên tức là đa nguyên chính trị, nghĩa là có nhiều quan điểm chính trị khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau. Theo khái niệm này, Đoàn chủ tịch cho rằng trong Đảng bộ là không có.

Chỉ có tình trạng một số ít đảng viên biểu hiện dân chủ cực đoan, cơ hội, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhóm họp, lôi kéo ký tên tập thể, tán phát tài liệu sai nguyên tắc, phát ngôn tùy tiện, thiếu tinh thần xây dựng Đảng. Những biểu hiện trên đây không gọi là đa nguyên được.

Đoàn chủ tịch cũng không đồng tình với ý kiến cho rằng công tác bảo vệ chính trị nội bộ của ta bị buông lỏng. Máy năm nay, nhất là từ khi có chỉ thị 23 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy rất quan tâm chỉ đạo triển khai cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ này đạt được một số kết quả bước đầu, đương nhiên vẫn còn không ít yếu kém cần khắc phục. Do đó không



thể đánh giá là bị buông lỏng. Biểu hiện của sự buông lỏng và hậu quả của nó như thế nào thì không rõ.

### **3. Về đánh giá chung và nguyên nhân :**

Đánh giá chung hay đánh giá tổng quát dùng để khái quát hóa những vấn đề cụ thể đã nêu ở từng phần, tính khái quát ở đây còn bao hàm những vấn đề chủ yếu, cốt lõi nhất có tính chi phối chung. Theo khái niệm đó, đánh giá tổng quát không nhất thiết phải nêu lại một cách đầy đủ tất cả những tiêu đề, những vấn đề chủ yếu đã nêu ở từng phần.

Tuy nhiên, qua ý kiến đóng góp của các đoàn đại biểu, Đoàn chủ tịch đề nghị tiếp thu bổ sung vào đánh giá tổng quát ở phần khuyết điểm, yếu kém cho đầy đủ và bao quát hơn.

Có một số ý kiến đề nghị nguyên nhân của những yếu kém khuyết điểm cần phải nêu cụ thể hơn. Đoàn chủ tịch nhận thấy nêu như báo cáo là đủ. Vì trong nguyên nhân tổng quát đã bao hàm những nguyên nhân cụ thể, những nguyên nhân cụ thể đã gắn với sự đánh giá từng phần cụ thể nếu nêu từng nguyên nhân cụ thể sẽ xảy ra tình trạng vừa thiếu, vừa thừa. Mặt khác trong báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành nhiệm kỳ 1992 - 1995, Tỉnh ủy đã kiểm điểm trách nhiệm của mình trước Đại hội.

### **4. Về các mục tiêu chủ yếu :** Tăng tổng sản phẩm nội tỉnh bình quân 15%. Đến năm 2000 huy động vào ngân sách Nhà nước 15 - 16% so với GDP, GDP

binh quân đầu người khoảng gấp đôi so với năm 1995. Đến cuối năm 1997 hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, năm 2000 có 40% số xã có bác sĩ phụ trách.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng mục tiêu đề ra là thấp, làm sao để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng như vậy là cao, không có tính khả thi.

Đoàn chủ tịch xin giải trình một số mục tiêu chủ yếu như sau.

#### *Về tốc độ tăng trưởng bình quân GDP :*

Trong 5 năm qua, mặc dù điểm xuất phát đi lên của tỉnh ta thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, đầu tư nước ngoài còn ít, huy động nguồn vốn cho đầu tư phát triển mới đạt 1.350 tỷ đồng, nhưng với chừng đó nguồn lực, cùng với biện pháp quản lý và tổ chức thực hiện tương đối tập trung, nên đã tạo ra tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 12,04%. Trong 5 năm đến, mặc dù còn nhiều khó khăn, song thuận lợi và thời cơ như báo cáo chính trị đã xác định là rất quan trọng. Nhưng vấn đề quan trọng hơn và có tính chất quyết định là nguồn vốn được huy động đến mức nào cho đầu tư phát triển. Theo cách tính thông thường để tăng 1 đơn vị GDP cần 3 đơn vị đầu tư phát triển cho nền kinh tế xã hội. Năm 1995 tổng GDP tỉnh ta 1.638 tỷ đồng, nếu tăng bình quân hàng năm

15% thì năm 2000 GDP sẽ là : 3.295 tỷ (chưa kể yếu tố trượt giá) như vậy GDP năm 2000 so với năm 1995 tăng 1.657 tỷ. Nhu cầu vốn cho đầu tư trong 5 năm tới sẽ là : 1.657 tỷ x 3 = 4.970 tỷ.

Trong 5 năm, dự kiến khả năng huy động vốn ngân sách 800 tỷ đồng (huy động 14% GDP và chi 35% cho đầu tư phát triển), nguồn vốn của nhân dân và vốn tự có của doanh nghiệp khoảng 2000 tỷ. Số còn lại khoảng 2200 tỷ huy động từ vốn liên doanh, liên kết hợp tác đầu tư trong và ngoài nước (tương ứng 200 triệu đô la).

Phương án huy động vốn của toàn xã hội cho đầu tư phát triển nêu trên có khả năng thực hiện được là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự tăng trưởng bình quân GDP 15%. Đương nhiên còn phải tính toán các nguồn lực và nhiều biện pháp khác mới có thể đạt được mục tiêu đề ra một cách vững chắc.

Nhìn xung quanh ta, các tỉnh trong khu vực trọng điểm cũng đều có tốc độ phát triển tối thiểu là 15%, nếu tỉnh ta không nỗ lực phấn đấu thì chẳng những không rút ngắn khoảng cách tụt hậu, lại còn tụt hậu xa hơn. Điều này trái với quan điểm và mục tiêu chúng ta đã thống nhất.

Theo phương án đã xác định, đến năm 2000 tổng GDP tăng gấp đôi so với năm 1995. Tuy nhiên, với tỷ lệ giảm sinh dân số hàng năm 0,1%, đến năm 2000 số dân tăng thêm khoảng 10 vạn người. Do vậy GDP bình quân đầu người tuy không thể tăng gấp đôi so

với năm 1995 về số lượng tuyệt đối, nhưng nói "khoảng" gấp đôi là hàm ý nhiều hơn hay ít hơn một ít cũng là phù hợp.

*Về tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách :*

Đến năm 2000 nếu huy động vào ngân sách từ 15 - 16% so với GDP, chúng ta có khoảng 500 tỷ đồng (chưa kể yếu tố trượt giá).

Tỷ lệ huy động GDP phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có 5 yếu tố cơ bản cần chú ý.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Hiệu quả của hoạt động kinh tế.
- Hiệu quả của quản lý Nhà nước về kinh tế.
- Chính sách thuế.
- Yếu tố giá.

v.v...

Trong các yếu tố kể trên, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quan trọng nhất.

Thực tế đến năm 1995 tỉnh ta mới huy động 11,6% GDP vào ngân sách nhà nước, trong đó tỷ lệ huy động từ ngành dịch vụ và công nghiệp cao hơn 4 - 5 lần huy động từ nông lâm nghiệp.

Căn cứ vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế như báo cáo chính trị xác định theo hướng tăng tỷ trọng

ngành công nghiệp và dịch vụ, cùng với sự cải tiến cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, thì cho phép đến năm 2000 nâng tỷ trọng huy động vào ngân sách từ 15 - 16% so với GDP là có căn cứ để thực hiện.

Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng mức huy động 15 - 16% là thấp so với bình quân chung cả nước. Đúng là thấp so với mức huy động của cả nước. Vấn đề quan trọng là phải từ điểm xuất phát thực tế, hiện nay mức huy động của cả nước đã đến 21 - 22%, do cơ cấu kinh tế chung cả nước có tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ cao hơn nhiều so với tỉnh ta, trong khi đó mức huy động của ta năm 1995 mới đạt 11,6%. Đến năm 2000 báo cáo chính trị của Trung ương chỉ xác định khoảng 22% - chỉ tiêu của tỉnh ta đề ra 15 - 16% là tích cực, không phải thấp.

- Về mục tiêu xuất khẩu 85 triệu USD vào năm 2000 :

Năm năm 1991 - 1995, mặc dù chưa tận dụng hết khả năng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương, chưa chú ý xuất khẩu tại chỗ, dịch vụ gia công thu ngoại tệ, nhưng kim ngạch xuất khẩu đã tăng bình quân hàng năm 25,4%, năm 1991 kim ngạch xuất khẩu đạt 7,357 triệu USD, năm 1995 18,2 triệu USD, mỗi năm tăng bình quân gần 2,2 triệu USD.

Năm năm tới, kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng nhanh hơn do đẩy mạnh liên doanh liên kết, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia chế biến nông lâm

thủy sản làm hàng xuất khẩu, một số nhà máy đã và đang xây dựng sẽ hoàn thành đi vào hoạt động, các cơ sở cũ được đầu tư nâng cao, mở rộng, đặc biệt chú ý đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ, chế biến nhân hạt điều, tinh bột mì, tăng tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng cá fillet, quan tâm các dịch vụ thu ngoại tệ như khách sạn, sân golf, bán hàng lưu niệm, gia công may mặc, khôi phục thị trường xuất khẩu thủ công mỹ nghệ truyền thống. Đến năm 2000 kim ngạch xuất khẩu đạt 85 triệu USD, tăng bình quân hàng năm 36,1%. Tốc độ tăng như vậy, rõ ràng là không cao so với khả năng và lợi thế kinh tế của tỉnh, cũng như khả năng quản lý và tổ chức kinh doanh đã giúp ta rút được kinh nghiệm. Nếu phấn đấu tận thu để xuất, đẩy mạnh chế biến, tìm thị trường xuất khẩu thì khả năng đạt mục tiêu đề ra.

Trong 85 triệu USD xuất khẩu năm 2000, hàng hải sản 50 triệu USD, chiếm 59% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó hàng đông 6000 tấn, tăng hơn 4000 tấn so với hiện nay, đặc biệt phải tìm thị trường xuất cho được 3500 tấn cá fillet, tăng cường chế biến hàng khô xuất khẩu từ 400 tấn hiện nay lên 1000 tấn vào năm 2000, quản lý tốt nguyên liệu đưa vào chế biến xuất khẩu các loài nhuyễn thể, tìm thị trường xuất khẩu nước mắm. Hàng nông sản 20 triệu USD, chiếm 23,5%, đầu tư xây mới một nhà máy chế biến hạt điều tại Phan Thiết công suất 10 - 12.000 tấn nguyên liệu/năm, 2 phân xưởng chế biến hạt điều Đức Linh, Tánh Linh công suất mỗi nơi 2000 tấn/năm để đến năm 2000 đạt

3.000 tấn nhân điều xuất khẩu thu 16,5 triệu USD ; ngoài ra xuất 10.000 tấn sản lát hoặc chế biến tinh bột mì để xuất khẩu, 6.000 tấn bắp hạt, 1.000 tấn đậu đỗ các loại.

Mặt hàng lâm sản 6 triệu USD, chiếm 7% chủ yếu là các sản phẩm từ gỗ, đến năm 2000 đạt 6.000m<sup>3</sup> sản phẩm tăng 4.000m<sup>3</sup> so với hiện nay, tìm thị trường xuất 5.000m<sup>3</sup> ván dăm. Xuất hàng thủ công mỹ nghệ khoảng 1 triệu đô la. Liên kết, liên doanh tìm thị trường xuất khẩu các loại sản phẩm từ khoáng sản như muối, nước suối, cát đen, đá trang trí. Đẩy mạnh gia công may mặc từ 93.000 sản phẩm hiện nay lên 1.000.000 sản phẩm năm 2000, đây là mặt hàng trong thời gian tới có khả năng phát triển mạnh hơn. Coi trọng xuất khẩu tại chỗ, đặc biệt kinh doanh khách sạn, dự kiến khi Khách sạn Vĩnh Thủy đưa vào sử dụng, du lịch Hàm Tiến 15 bungalow + liên doanh Khách sạn Phú Hải 20 bungalow nâng tổng số lên 170 phòng, sử dụng 70% công suất, doanh thu có thể đạt 1.000.000 USD. Dịch vụ sân golf dự kiến thu xấp xỉ 900.000 USD. Ngoài ra còn thu ngoại tệ qua bán hàng lưu niệm.

Do đó, mục tiêu 85 triệu USD xuất khẩu đến năm 2000 nếu phấn đấu tốt có khả năng đạt được.

### **5. Về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.**

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình làm thay đổi tỷ trọng giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Sự thay đổi về tỷ trọng giữa các ngành trong những

năm qua ở tỉnh ta được khẳng định về cơ bản là đúng hướng, tức là tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp giảm, ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên.

Trong 5 năm đến, bằng các biện pháp tích cực để thúc đẩy sự thay đổi cơ cấu này theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng và nhóm ngành dịch vụ ; đương nhiên ngành nông lâm tiếp tục giảm xuống về tỷ trọng, nhưng tốc độ phát triển và quy mô GDP của ngành vẫn tiếp tục tăng, nhưng sự tăng trưởng đó thấp thua so với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp và dịch vụ.

Như vậy, rõ ràng là sự tăng lên của ngành công nghiệp, dịch vụ và sự giảm xuống của ngành nông lâm về mặt tỷ trọng phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ và quy mô phát triển của những ngành đó. Còn tốc độ và quy mô phát triển của các ngành kinh tế phải căn cứ vào thực tế đạt được của 5 năm qua, đồng thời lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan của 5 năm đến như : vấn đề đầu tư, tổ chức quản lý, chính sách và cơ chế kinh tế, các biện pháp tổ chức thực hiện v.v...

Ở đây chỉ phân tích các yếu tố tác động trực tiếp làm thay đổi cơ cấu kinh tế - tức là tốc độ và quy mô phát triển của các ngành kinh tế.

Năm 1995 tổng sản phẩm nội tỉnh tính theo giá thực tế 1.638 tỷ, trong đó GDP của ngành nông lâm thủy sản là 810,8 tỷ chiếm 49,5%, riêng thủy sản : 212,4 tỷ chiếm 13%. Ngành công nghiệp - xây dựng :



335,8 tỷ, chiếm 20,5%, ngành dịch vụ 491,4 tỷ chiếm 30% so với tổng GDP.

Nếu chúng ta chấp nhận phương án về tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm trong 5 năm 1996 - 2000 của các ngành nông lâm ngư 6 - 7%, công nghiệp 25%, dịch vụ 18 - 20% và tốc độ tăng tổng sản phẩm nội tỉnh là 15%, đương nhiên kết quả về sự thay đổi cơ cấu giữa các ngành như Báo cáo chính trị xác định đến năm 2000 là phù hợp : **ngành nông lâm ngư nghiệp 34%, riêng thủy sản 11%, ngành công nghiệp xây dựng 30%, ngành dịch vụ 36%.**

Vấn đề quan trọng hơn là phải có các giải pháp hữu hiệu tổ chức thực hiện cho được các nhiệm vụ chủ yếu đặt ra nhằm bảo đảm hoàn thành mục tiêu về tốc độ tăng trưởng GDP của từng ngành vì đó chính là yêu cầu phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

# MỤC LỤC

- Lời giới thiệu	3
- Danh sách BCH.TW khóa VIII	7
- Danh sách Bộ Chính trị - BCH TW	17
- Danh sách Ủy ban kiểm tra TW	20
- Kết quả Đại hội toàn quốc lần thứ VIII	21
I - Bối cảnh và nhiệm vụ	21
II - Quá trình chuẩn bị	25
III - Về đại biểu	33
IV - Nội dung chủ yếu các văn kiện	36
V - Nhân sự BCH TW	73
- Danh sách BCH Đảng bộ tỉnh khóa IX	81
- Thông báo phân công Tỉnh ủy viên	83
- Những nội dung chủ yếu trong Báo cáo Chính trị của Tỉnh ủy	87
+ Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII	87

I - Những tiến bộ và kết quả	87
II - Những khuyết điểm, yếu kém	94
+ Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu 5 năm 1996 - 2000	102
I - Quan điểm và mục tiêu	102
II - Định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu	104
III - Xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới	117
- Báo cáo giải trình một số vấn đề chủ yếu qua thảo luận ở các đoàn đại biểu còn có ý kiến khác nhau	122

- *Chịu trách nhiệm xuất bản :*

**Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy :**

**+ LUONG SON**

**+ NGUYỄN VĂN CÔI**

- *Trình bày và sửa bản in :*

**+ NGUYỄN ĐỒNG CHÍNH**

**+ NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI**

**+ NGÔ THỊ HỒNG HẠNH**

Thư viện và phòng lưu trữ  
Số 1000 cuốn - khổ 13 x 18cm, tại 21 ngày 10/10/1996  
Ban Thông tin Bình Thuận cấp ngày 5-7-1996 in  
Giấy phép xuất bản số 082/GPXB do Sở Văn

Giấy phép xuất bản số 065/GPXB do Sở Văn  
hóa Thông tin Bình Thuận cấp ngày 5-7-1996. In  
1.000 cuốn - khổ 13 x 19cm, tại Xí nghiệp In Bình  
Thuận. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7-1996.

• NGUYỄN VĂN CỘI  
• LƯƠNG SƠN  
• NGUYỄN ĐÔNG CHINH  
• NGUYỄN THỊ TUYẾT KHU  
• NGÔ THỊ HỒNG HẠNH